

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN SƠN PHÚC

**DỰ THẢO TÓM TẮT
BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG**

**Của Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu dân cư đô thị tại Tổ 1
và Tổ 2A thị trấn Bằng Lũng, huyện Chợ Đồn (đợt 2)**

BẮC KẠN, THÁNG 06 NĂM 2023

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN SƠN PHÚC

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

Của Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu dân cư đô thị tại Tổ 1 và
Tổ 2A thị trấn Bằng Lũng, huyện Chợ Đồn (đợt 2)

CHỦ DỰ ÁN
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN SƠN PHÚC
CHỦ TỊCH HĐQT



Nguyễn Thế Hùng

BẮC KẠN, THÁNG 06 NĂM 2023

MỞ ĐẦU

1. XUẤT XỨ CỦA DỰ ÁN

1.1. Thông tin chung về dự án

Trong những năm gần đây, huyện Chợ Đồn đã có những bước thay đổi đáng kể trong bộ mặt kiến trúc cảnh quan cũng như tốc độ phát triển đô thị. Huyện Chợ Đồn là một huyện miền núi cao nằm ở phía Tây Bắc của tỉnh Bắc Kạn, phía Bắc giáp huyện Ba Bể, phía Nam giáp huyện Chợ Mới và tỉnh Tuyên Quang, phía Đông giáp huyện Bạch Thông, phía Tây giáp tỉnh Tuyên Quang. Diện tích tự nhiên toàn huyện là 91.115,00 ha chiếm 18,75% diện tích tự nhiên của tỉnh Bắc Kạn. Chợ Đồn là nơi đất đai màu mỡ, dồi dào tài nguyên khoáng sản và lâm sản. Trung tâm huyện lỵ là thị trấn Bằng Lũng cách thành phố Bắc Kạn khoảng 40km theo tỉnh lộ 257. Huyện Chợ Đồn có hệ thống giao thông khá đầy đủ với đường tỉnh lộ 254, 254B, 255, 257... Các tuyến liên xã tương đối hoàn thiện tạo thuận lợi cho huyện trong giao lưu thương mại, phát triển kinh tế xã hội, du lịch. Vì vậy Chợ Đồn hội tụ khá đầy đủ các điều kiện, yếu tố cần và đủ về vị trí địa lý, đặc biệt là đường bộ để phát triển kinh tế - xã hội nhanh và bền vững, từng bước phát triển trở thành đô thị trung tâm của tỉnh.

Khai thác có hiệu quả tiềm năng về vị trí, đất đai và cảnh quan để hướng tới một khu đô thị hiện đại với môi trường đô thị trong lành theo đô thị thông minh, bền vững, thuận lợi cho việc quản lý, vận hành, có không gian sống và làm việc lý tưởng, có khả năng thu hút được các nguồn tài lực và chất xám và góp phần tạo ra bản sắc của huyện Chợ Đồn.

Để khu dân cư đô thị tại Tổ 1 và Tổ 2A, thị trấn Bằng Lũng, huyện Chợ Đồn (Đợt 2) sớm được triển khai, đáp ứng nhu cầu ở và các tiện ích xã hội, việc lập thiết kế Dự án Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu dân cư đô thị tại Tổ 1 và Tổ 2A, thị trấn Bằng Lũng, huyện Chợ Đồn (Đợt 2) là hết sức cần thiết và cấp bách.

Được sự chấp thuận vị trí khu đất thực hiện dự án của UBND tỉnh tại quyết định chủ trương đầu tư số 1127/QĐ-UBND ngày 02/7/2021 của UBND tỉnh Bắc Kạn.

- Góp phần phát triển kinh tế, xã hội địa phương.
- Việc hình thành Khu dân cư giúp đáp ứng nhu cầu về đất ở, các công trình dịch vụ, công viên cây xanh cho người dân trong khu vực.

Thúc đẩy phát triển kinh tế, văn hóa, chỉnh trang đô thị, kết nối đồng bộ hệ thống hạ tầng kỹ thuật, bắt nhịp xu hướng đô thị văn minh - hiện đại - xanh - sạch - đẹp, nâng cao chất lượng cuộc sống cho người dân tại khu vực.

Ngoài ra, việc xây dựng khu dân cư còn là cơ sở để thu hút đầu tư các ngành nghề kinh doanh, thu hút dân cư tới ổn định sinh sống, tăng nguồn nhân lực lao động cho huyện Chợ Đồn nói riêng và tỉnh Bắc Kạn nói chung, kích thích phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội.

Nhằm góp sức của với chính quyền và nhân dân huyện Chợ Đồn, thị trấn Bằng Lũng, Công ty cổ phần tập đoàn Sơn Phúc đã đề xuất xây dựng một dân cư đô thị tại Tổ 1 và Tổ 2A, thị trấn Bằng Lũng, huyện Chợ Đồn. Dự án đã được UBND tỉnh Bắc Kạn phê duyệt chủ trương đầu tư tại Quyết định số 2046/QĐ-UBND ngày 04/12/2017 của UBND tỉnh Bắc Kạn và đã thực hiện xây dựng xong tại khu vực tổ Tổ 1 thị trấn Bằng Lũng. Để hình thành khu đô thị mới hiện đại, đồng bộ, đáp ứng nhu cầu phát triển nhà ở, cụ thể hóa quy hoạch xây dựng đô thị, góp phần làm thay đổi bộ mặt không gian kiến trúc cảnh quan đô thị, thúc đẩy phát triển kinh tế, xã hội địa phương, UBND tỉnh đã phê duyệt quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư ***“Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu dân cư đô thị tại Tổ 1 và Tổ 2A thị trấn Bằng Lũng, huyện Chợ Đồn (đợt 2)”*** tại Quyết định số 1127/QĐ-UBND ngày 02/7/2021. Tại vị trí thuộc Tổ 2 thị trấn Bằng Lũng, huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn. Với quy mô sử dụng đất của dự án tổng diện tích là 3,09ha, quy mô dân số là 432 người

Căn cứ điểm b, khoản 1 điều 30 và điểm đ, khoản 4, điều 28 của Luật Bảo vệ môi trường 2020 số 72/2020/QH14 và theo quy định tại mục số 6, phụ lục IV, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ đối với dự án có yêu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng đất trồng lúa thuộc thẩm quyền chấp thuận của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh theo quy định của pháp luật về đất đai, như vậy Dự án thuộc nhóm II và phải lập báo cáo đánh giá tác động môi trường. Theo khoản 3, điều 35 của Luật này, Dự án thuộc thẩm quyền thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của UBND cấp tỉnh.

1.2. Cơ quan, tổ chức có thẩm quyền phê duyệt chủ trương đầu tư.

- Thẩm quyền Quyết định đầu tư dự án: UBND tỉnh Bắc Kạn, Chủ đầu tư: Công ty Công ty cổ phần tập đoàn Sơn Phúc.

- Thẩm quyền phê duyệt báo cáo thuyết minh dự án đầu tư: Công ty Công ty cổ phần tập đoàn Sơn Phúc.

1.3. Sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia; quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh, quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; mối quan hệ của dự án với các dự án khác, các quy hoạch và quy định của pháp luật có liên quan.

Việc đầu tư dự án phù hợp với:

- Quyết định số 2078/QĐ-TTg ngày 22/12/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Bắc Kạn đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030.

- Dự án nằm trong quy hoạch kế hoạch sử dụng đất theo Quyết định số 1239/QĐ-UBND ngày 16/7/2021 của UBND huyện Chợ Đồn về việc phê duyệt quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021-2030 và kế hoạch sử dụng đất năm 2021 huyện Chợ Đồn. Tổng diện tích đất của dự án là 3,09 ha trong đó diện tích đất lúa cần chuyển đổi là 1,9204 ha.

- Dự án được phê duyệt quy hoạch tại Quyết định số 470/QĐ-UBND ngày 09/03/2018 của UBND huyện Chợ Đồn về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết Tổng mặt bằng tỷ lệ 1/500 Khu dân cư đô thị tại Tổ 1 và Tổ 2A thị trấn Bằng Lũng, huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn.

2. CĂN CỨ PHÁP LUẬT VÀ KỸ THUẬT CỦA VIỆC THỰC HIỆN ĐTM

2.1. Các văn bản pháp luật, quy chuẩn, tiêu chuẩn và hướng dẫn kỹ thuật về môi trường có liên quan làm căn cứ cho việc thực hiện ĐTM

**** Lĩnh vực môi trường:***

- Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020;
- Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.
- Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06/8/2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải.
- Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về quy định kỹ thuật quan trắc môi trường và quản lý thông tin, dữ liệu quan trắc môi trường;
- Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

**** Tài nguyên nước***

- Luật Tài Nguyên nước số 17/2012/QH13 được Quốc Hội Nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 21/06/2012;
- Nghị định số: 201/NĐ-CP ngày 27/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước;

- Thông tư số: 27/2014/TT-BTNMT ngày 30/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định việc đăng ký khai thác nước dưới đất, mẫu hồ sơ cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép tài nguyên nước.

- Thông tư số: 56/2017/TT-BTNM ngày 24/9/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định điều kiện về năng lực của tổ chức, cá nhân thực hiện điều tra cơ bản tài nguyên nước, tư vấn lập quy hoạch tài nguyên nước, lập đề án, báo cáo trong hồ sơ đề nghị cấp giấy phép tài nguyên nước;

- Thông tư số: 76/2017/TT-BTNMT ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về khả năng tiếp nhận nước thải sức chịu tải của nguồn nước sông hồ.

- Quyết định số: 09/2015/QĐ-UBND ngày 21/7/2015 của UBND tỉnh Bắc Kạn về việc ban hành quy chế quản lý nhà nước về tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.

**** Lĩnh vực đất đai:***

- Luật Đất đai số 45/2013/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29/11/2013.

- Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/05/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất;

- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/05/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật đất đai và Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017,

- Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

- Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất.

**** Lĩnh vực xây dựng***

- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 18/06/2014;

- Nghị định số 98/2019/NĐ-CP ngày 27/12/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định thuộc lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật;

- Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 về Quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

- Nghị định 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ Quy định về quy định

chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

- Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính Phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng

- Thông tư số 05/2017/TT-BXD ngày 10/3/2017 của Bộ Xây dựng Hướng dẫn xác định đơn giá nhân công trong quản lý chi phí đầu tư xây dựng.

- Thông tư số 06/2017/TT-BXD ngày 10/3/2017 hướng dẫn xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng, Thông tư 16/2017/TT-BXD ngày 30/6/2017 của Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định 59/2017/NĐ-CP ngày 18/6/2017 của Chính phủ về hình thức tổ chức quản lý dự án đầu tư xây dựng.

**** Lĩnh vực quy hoạch:***

- Luật quy hoạch số 21/2017/ QH14 , ngày 24/11/2017;

- Luật số 35/2018/ngày 20/11/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến Quy hoạch;

- Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/08/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/04/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/05/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

- Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/06/2016 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch khu chức năng đặc thù;

**** Lĩnh vực đầu tư***

- Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

- Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật đầu tư.

- Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư.

**** An toàn, vệ sinh lao động***

- Luật lao động số 45/2019/QH14 ngày 20/11/2019;

- Nghị định số 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính Phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ Luật lao động về điều kiện lao động và quan

hệ lao động.

- Thông tư số 10/2020/TT-BLĐTBXH ngày 12/11/2020 của Bộ Lao động Thương Binh và Xã Hội quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ Luật lao động nội dung của hợp đồng lao động, hội đồng thương lượng tập thể và nghề công việc có ảnh hưởng xấu tới chức năng sinh sản, nuôi con.

*** Quy chuẩn, tiêu chuẩn**

- Quy chuẩn QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt;

- Quy chuẩn QCVN 06:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về một số chất độc hại trong không khí xung quanh;

- Quy chuẩn QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ;

- Quy chuẩn QCVN 07: 2009/BTNMT - Quy định về ngưỡng chất thải nguy hại;

- Quy chuẩn QCVN 01:2009/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước ăn uống;

- Quy chuẩn QCVN 02:2009/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sinh hoạt;

- Quy chuẩn QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn;

- QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về độ rung;

- QCVN 40:2011/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp;

- Quy chuẩn QCVN 05:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh;

- Quy chuẩn QCVN 03-MT:2015/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy định giới hạn cho phép của kim loại nặng trong đất;

- Quy chuẩn QCVN 08-MT:2015/BTNMT - Quy chuẩn quốc gia về chất lượng nước mặt;

- Quy chuẩn QCVN 09-MT:2015/BTNMT - Quy chuẩn quốc gia về chất lượng nước ngầm;

- TCVN 7957:2008 về thoát nước – Mạng lưới và công trình bên ngoài – tiêu chuẩn thiết kế.

2.2. Văn bản pháp lý, quyết định hoặc ý kiến bằng văn bản của các cấp có

thẩm quyền về dự án

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0104973691 do Phòng Đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp đăng ký lần đầu ngày 29 tháng 10 năm 2010, cấp đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 19 tháng 12 năm 2022.

- Quyết định số 470/QĐ-UBND ngày 09/03/2018 của UBND huyện Chợ Đồn về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết Tổng mặt bằng tỷ lệ 1/500 Khu dân cư đô thị tại Tổ 1 và Tổ 2A thị trấn Bằng Lũng, huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn.

- Quyết định số 1127/QĐ-UBND ngày 02/7/2021 của UBND tỉnh Bắc Kạn về việc chấp thuận chủ trương đầu tư Dự án Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu dân cư đô thị tại Tổ 1 và Tổ 2A, thị trấn Bằng Lũng, huyện Chợ Đồn (Đợt 2);

- Quyết định số 1224/QĐ-UBND ngày 08/7/2022 của UBND tỉnh Bắc Kạn về việc phê duyệt kết quả đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện Dự án Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu dân cư đô thị tại Tổ 1 và Tổ 2A, thị trấn Bằng Lũng, huyện Chợ Đồn (Đợt 2);

- Hợp đồng thực hiện dự án đầu tư số 01/2022/HĐ-DADT ngày 20/10/2022 giữa UBND huyện Chợ Đồn và Công ty Cổ phần Tập đoàn Sơn Phúc về việc thực hiện dự án Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu dân cư đô thị tại Tổ 1 và Tổ 2A, thị trấn Bằng Lũng, huyện Chợ Đồn (Đợt 2).

2.3. Các tài liệu, dữ liệu do chủ dự án tự tạo lập được sử dụng trong quá trình thực hiện đánh giá tác động môi trường

- Báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu dân cư đô thị tại Tổ 1 và Tổ 2a thị trấn Bằng Lũng, huyện Chợ Đồn.

- Hồ sơ thiết kế cơ sở Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu dân cư đô thị tại Tổ 1 và Tổ 2a thị trấn Bằng Lũng, huyện Chợ Đồn;

- Hồ sơ dự toán xây dựng Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu dân cư đô thị tại Tổ 1 và Tổ 2a thị trấn Bằng Lũng, huyện Chợ Đồn;

- Các bản vẽ, sơ đồ của Dự án kèm theo

3. TỔ CHỨC THỰC HIỆN ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

3.1. Tóm tắt quá trình thực hiện lập ĐTM

Công ty cổ phần tập đoàn Sơn Phúc là đơn vị chủ trì thực hiện lập Báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) với sự tư vấn của trung tâm Kỹ thuật tài nguyên và môi trường tỉnh Bắc Kạn tiến hành công tác khảo sát điều tra thực địa khu vực dự án: Lấy

mẫu, đo đạc quan trắc hiện trạng các yếu tố môi trường nền trong khu dự án (không khí, tiếng ồn, nước, đất); Khảo sát hiện trạng hệ sinh thái vùng dự án, nắm bắt tình hình diễn biến hệ sinh thái trong thời gian gần đây; Tiến hành khảo sát, thu thập tài liệu, số liệu về hiện trạng dân sinh kinh tế xã hội khu dự án và phụ cận, thực hiện các cuộc tham vấn cộng đồng theo luật định tại khu vực ảnh hưởng bởi dự án.

Sau khi khảo sát thực địa, tiến hành xử lý số liệu, tài liệu, quan trắc môi trường và tổng hợp kết quả, tiến hành lập ĐTM Dự án. Nội dung của báo cáo ĐTM đáp ứng hướng dẫn của Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

3.2. Các thành viên tham gia lập báo cáo ĐT

*** Chủ dự án: Công ty Cổ phần tập đoàn Sơn Phúc**

+ Địa chỉ trụ sở chính: Số 5, ngõ 331 Nguyễn Khang, phường Yên Hòa, Quận cầu giấy, thành phố Hà Nội

+ Điện thoại: 02432008611

+ Đại diện: Ông Nguyễn Thế Hùng

+ Chức vụ: Chủ tịch hội đồng quản trị

+ Cung cấp các số liệu, tài liệu liên quan đến việc thi công xây dựng của dự án.

+ Phối hợp cùng đoàn khảo sát của Trung tâm Kỹ thuật tài nguyên và môi trường tỉnh Bắc Kạn thu thập số liệu, điều tra, đánh giá, lấy mẫu, đo đạc tại khu vực dự án và xung quanh để làm cơ sở đánh giá hiện trạng môi trường của khu vực dự án.

+ Tổ chức tham vấn ý kiến cộng đồng về việc thực hiện dự án.

*** Đơn vị tư vấn: Trung tâm Kỹ thuật tài nguyên và môi trường tỉnh Bắc Kạn**

- Đại diện đơn vị: Ông Nguyễn Đình Lai - Chức vụ Giám đốc

- Địa chỉ liên hệ: Số 316, đường Võ Nguyên Giáp, thành phố Bắc Kạn.

- Thu thập số liệu về điều kiện địa lý tự nhiên, kinh tế xã hội trong phạm vi khu vực dự án.

- Quan trắc, phân tích hiện trạng môi trường khu vực xây dựng dự án theo đúng tiêu chuẩn Việt Nam.

- Dự báo các tác động môi trường do dự án và đề xuất các biện pháp giảm thiểu các tác động tiêu cực.

- Xây dựng báo cáo tổng hợp.

- Báo cáo trước hội đồng thẩm định.
- Chỉnh sửa và hoàn thiện báo cáo.

Nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường đảm bảo theo cấu trúc của Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường bao gồm các Chương sau:

Mở đầu:

Chương 1: Mô tả tóm tắt dự án

Chương 2: Điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội và hiện trạng môi trường khu vực thực hiện dự án

Chương 3: Đánh giá dự báo tác động môi trường của Dự án và Đề xuất các biện pháp, công trình bảo vệ môi trường, ứng phó sự cố môi trường.

Chương 4: Chương trình quản lý và giám sát môi trường

Chương 5: Kết quả tham vấn

Kết luận và kiến nghị

Bảng 1: Danh sách người tham gia lập báo cáo ĐTM

TT	Họ và Tên	Học vị đào tạo	Chức danh - nội dung phụ trách	Chữ ký
Chủ dự án: Công ty cổ phần tập đoàn Sơn Phúc				
1	Nguyễn Thế Hùng		Chủ tịch hội đồng quản trị	
Đơn vị tư vấn: Trung tâm Kỹ thuật tài nguyên và môi trường tỉnh Bắc Kạn				
1	Vũ Thanh Hải	ThS. Khoa học môi trường	Phó Giám đốc - Chủ trì thực hiện	
2	Dương Thiêm Thủy	ThS. Khoa học môi trường	Phó trưởng phòng Phụ trách Phòng QT-PT-phụ trách chung	
3	Hoàng Đình Kiên	CN. Quản lý Tài nguyên và môi trường	Viên chức - Tổng hợp báo cáo chính, phân tích phòng thí nghiệm	
4	Hà Thị Châm	ThS. Khoa học môi trường	Viên chức - Trưởng nhóm Phân tích, viết báo cáo, phân tích phòng thí nghiệm	
5	Nguyễn Thị Trà	CN. Quản lý Tài nguyên và môi trường	Viên chức - Viết báo cáo, phân tích phòng thí nghiệm.	
6	Hoàng Huy Tuấn	Ks. Khoa học môi trường	Viên chức - Viết báo cáo Phân tích phòng thí nghiệm.	
7	Triệu Thị Trà	Ks. Khoa học môi trường	Viên chức - Viết báo cáo Phân tích phòng thí nghiệm.	
8	Nông Thế Nhiếp	Ks. Khoa học môi trường	Viên chức - Trưởng nhóm Quan trắc hiện trường	
9	Chu Quang Tường	CN. Quản lý Tài nguyên và môi trường	Viên chức - Quan trắc hiện trường	
10	Triệu Đức Liêu	Ks. Công nghệ kỹ thuật môi trường	Nhân viên KT - Quan trắc hiện trường	

4. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

4.1. Các phương pháp đánh giá tác động môi trường

- Phương pháp đánh giá nhanh

- Phương pháp lập bảng liệt kê

4.2. Các phương pháp khác

- Phương pháp điều tra, khảo sát hiện trường

- Phương pháp kế thừa

- Phương pháp thống kê

- Phương pháp điều tra xã hội học

- Phương pháp tổng hợp, so sánh

- Phương pháp lấy mẫu ngoài hiện trường và phân tích trong phòng thí nghiệm

5. TÓM TẮT NỘI DUNG CHÍNH CỦA BÁO CÁO ĐTM

5.1. Thông tin về dự án

5.1.1 Thông tin chung:

+ Tên dự án: “Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu dân cư đô thị tại Tổ 1 và Tổ 2a thị trấn Bằng Lũng, huyện Chợ Đồn (đợt 2)”

+ Địa điểm thực hiện: Tổ 2, thị trấn Bằng Lũng, huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn.

+ Chủ dự án: Công ty cổ phần tập đoàn Sơn Phúc

+ Địa chỉ trụ sở chính: Số 5, ngõ 331 Nguyễn Khang, phường Yên Hòa, Quận cầu giấy, thành phố Hà Nội

+ Đại diện: Ông Nguyễn Thế Hùng Chức vụ: Chủ tịch hội đồng quản trị

5.1.2. Phạm vi, quy mô, công suất:

- Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu dân cư đô thị tại Tổ 1 và Tổ 2a thị trấn Bằng Lũng, huyện Chợ Đồn (đợt 2)” dân số 432 người tại thị trấn Bằng Lũng, huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn.

- Quy mô sử dụng đất của dự án: Tổng diện tích khoảng 3,09ha, đất ở hiện trạng 5.247m². đất nông nghiệp 19.204m², đất trồng hoa màu 854m², đất bãi vật liệu xây dựng 5.134m², kênh mương nội đồng 375m², kè đá 92m².

- Quy mô dân số: 432 người

- Xây dựng hạ tầng kỹ thuật cho toàn bộ diện tích dự án, hệ thống đường giao thông, thoát nước mưa, thoát nước thải, cấp nước, hệ thống điện, điện chiếu sáng....

- Xây dựng nhà ở thương mại: Tổng số lô đất liền kề là 108 lô với diện tích khoảng 11.931m² trong đó:

+ Xây dựng nhà ở liền kề theo hình thức xây thô, hoàn thiện mặt ngoài theo thiết kế. Tổng số lô là 14 lô, với diện tích xây dựng khoảng 1.811m², chiều cao xây dựng 4 tầng.

+ Các lô đất còn lại được xây dựng đồng bộ hạ tầng kỹ thuật và kinh doanh theo hình thức bán đất nền để người dân xây dựng nhà ở theo quy hoạch. Tổng số lô là 94 lô, với diện tích đất khoảng 10.120m².

- Đất công trình hạ tầng xã hội: Tổng diện tích khoảng 2.666m², trong đó: Xây dựng các công viên cây xanh, khu vui chơi giải trí và các công trình dịch vụ phụ trợ khác với diện tích là: 1.109m².

+ Công trình công cộng (Nhà văn hoá, nhà sinh hoạt cộng đồng): Sau khi Nhà đầu tư xây dựng hoàn chỉnh hệ thống hạ tầng kỹ thuật khu đô thị sẽ bàn giao cho nhà nước với diện tích khoảng 1.557 m².

5.1.3. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án:

Quy hoạch không gian kiến trúc

- Phân khu chức năng:

+ Đất ở: Đất ở chia lô, đất ở biệt thự, đất ở hiện trạng chỉnh trang

+ Đất công cộng: Nhà văn hóa, nhà sinh hoạt cộng đồng;

+ Đất dịch vụ thương mại: Văn phòng, dịch vụ thương mại;

+ Đất cây xanh kết hợp khu sân chơi thể dục thể thao;

+ Đường giao thông và sân bãi.

+ Đất hành lang, công trình đầu mối hạ tầng kỹ thuật

a/ San nền

San nền toàn khu theo chỉ tiêu kỹ thuật chung: Cao độ san nền thấp nhất: H=350; cao nhất H=361,00m.

b/ Giao thông: Đường khu vực (theo Quy hoạch chung)

5.1.4. Các công trình phụ trợ

** Hạng mục Cây xanh*

Cây xanh đường phố trong dự án trồng cách nhau trung bình $6\div 12\text{m}$, loại cây Bằng Lăng, Viêt, Muồng Hoàng Yến... Đường kính cây trồng từ $10\div 20\text{cm}$, cao 3-5m.

+ Số lượng cây: 282 cây.

** Hạng mục: Tường chắn chiều dài 613m.*

Do chiều cao tường chắn không lớn, trung bình từ 2m đến 6m. Nên áp dụng kết cấu tường chắn trọng lực bằng đá hộc xây theo thiết kế điển hình 86-06X.

** Hạng mục cấp điện*

Do chiều cao tường chắn không lớn, trung bình từ 2m đến 6m. Nên áp dụng kết cấu tường chắn trọng lực bằng đá hộc xây theo thiết kế điển hình 86-06X.

** Hạng mục cấp điện*

- Tổng công suất tiêu thụ cho khu tổ 2 là khoảng 560 KVA.

- Nguồn điện lấy từ đường dây 35 KV hiện trạng nằm gần dự án.

Bố trí 03 trạm biến áp phân phối 35(22)/0,4kV trong ranh giới dự án để cấp điện cho các phân khu chức năng và chiếu sáng đường phố.

+ Trạm 03: 35(22)/0,4KV- 1x560KVA

Trạm biến áp sử dụng loại trạm 1 cột hợp bộ. Trạm đặt ở khu vực cây xanh, vườn hoa, vỉa hè để đảm bảo mỹ quan khu vực, an toàn giao thông và yêu cầu kinh tế.

Trạm kiểu 1 cột hợp bộ: Gồm 3 phần: trung thế, máy biến áp, hạ thế.

Vỏ trạm chế tạo bằng tôn đen sơn tĩnh điện, được chế tạo theo dây truyền công nghệ CNC.

** Hạng mục cấp thoát nước*

- Cấp nước: Tổng nhu cầu dùng nước khoảng: $90\text{m}^3/\text{ngđ}$.

- Nguồn nước: Khu vực quy hoạch dự kiến lấy từ đường ống D200, D150 theo quy hoạch chung trên đường đi Bản Tàn, Bắc Kạn.

- Mạng lưới đường ống:

+ Thiết kế mạng lưới đường ống cấp nước là mạng vòng kết hợp mạng cụt;

+ Đường ống dẫn chính dùng ống HDPE D110

+ Đường ống cấp đến từng hộ dân dùng ống HDPE D50 và D63

+ Hệ thống đường ống được đi ngầm.

- Cấp nước cứu hỏa:

+ Hệ thống cấp nước cứu hỏa được lấy từ hệ thống cấp nước sinh hoạt.

+ Bố trí trụ cứu hỏa trên tuyến ống D110, tại các vị trí ngã giao để khi có hỏa hoạn xe cứu hỏa sẽ ra vào một cách nhanh chóng và dễ dàng. Khoảng cách trung bình giữa các trụ là 150m.

- Thoát nước: Hệ thống thoát nước được thiết kế theo nguyên tắc tự chảy và phù hợp với hệ thống thoát nước của khu vực, có hệ thống thoát nước mưa và thoát nước thải.

+ Thoát nước mưa:

Khu quy hoạch được phân làm hai khu vực thoát nước chủ yếu:

+ Lưu vực 1: Khu vực dự án phía Bắc, nước mưa chảy vào hệ thống cống thông qua các hố ga thu nước, sau đó được đầu nối với hệ thống thoát nước mưa hiện có nằm trên đường đi Bản Tàn, Bắc Kạn.

+ Lưu vực 2: Khu vực dự án phía Nam, nước mưa chảy vào hệ thống cống thông qua các hố ga thu nước sau đó được đầu nối với hệ thống thoát nước mưa hiện có nằm trên đường đi Bản Tàn, Bắc Kạn.

- Hướng dốc thoát nước chủ đạo là thoát về tuyến cống hiện có trên tuyến đường đi Bản Tàn, Bắc Kạn cắt qua dự án, mạng lưới thiết kế phân tán cho từng lưu vực nhỏ theo nguyên tắc đảm bảo thoát nước nhanh nhất, không gây ngập úng cho các khu vực quy hoạch.

- Cống thoát nước chính sử dụng cống ngầm D600 – D800 vừa đảm bảo mỹ quan trung cho toàn khu vực vừa tiết kiệm quỹ đất quy hoạch. Hệ thống thoát nước được tính toán và bố trí tiêu thoát cho các lưu vực liên quan và khu dân cư lân cận bằng việc bố trí các cửa thu tại các vị trí thu nước lưu vực và vị trí tụ thủy xung quanh khu quy hoạch. Bố trí hố ga thu nước với khoảng cách trung bình là 30m.

+ Thoát nước thải: Nước thải của các hộ dân sẽ được thu gom bằng đường ống chạy dưới vỉa hè, nước thải sau khi thu gom sẽ đầu nối với hệ thống cống thoát nước thải trên đường đi Bản Tàn, Bắc Kạn. Các tuyến cống thoát nước thải có đường kính D300 được chôn ngầm, các hố ga thu được xây gạch có nắp đậy để tránh gây mất mỹ quan. Độ dốc dọc cống lấy theo độ dốc đường và đảm bảo bảo chiều sâu chôn cống tối thiểu. Tất cả các tuyến cống được vạch theo nguyên tắc hướng nước đi là ngắn nhất, lợi dụng tối đa địa hình để thoát nước tự chảy.

** Hệ thống chiếu sáng công cộng*

- 30m bố trí đèn 1 bên đường, cột đèn cao 9m bóng Sodium 100W để chiếu sáng.

Tủ điều khiển chiếu sáng: là loại hộp bộ kiểu ngoài trời. Vỏ tủ bằng kim loại sơn tĩnh điện. Tất cả các tủ điện đặt trên bệ bê tông và được nối đất an toàn

Tủ điều khiển chiếu sáng làm việc ở 2 chế độ (để tiết kiệm điện):

Mùa hè:

Chập tối: Từ 18h30 đến 22h30 tắt cả các đèn đều đóng

Đêm khuya: Từ 22h30 đến 5h00 sáng hôm sau: cắt bớt 1/3 hoặc 2/3 số đèn

Mùa đông:

Chập tối: Từ 17h30 đến 22h00 tắt cả các đèn đều đóng.

Đêm khuya: Từ 22h00 đến 6h00 sáng hôm sau: cắt bớt 1/3 hoặc 2/3 số đèn.

** Hệ thống thông tin liên lạc*

Hệ thống cáp điện, cáp quang được đi chung tuyến hào cáp với nhau. Khoảng cách giữa cáp viễn thông và cáp điện lực là 0,25m

Hào cáp được đào sâu từ 0,7 đến 1,1m. Phía trên ống luồn cáp là lớp cát nền đầm chặt, tiếp đó là lớp đất mịn chèn cáp. Tiếp đó là lớp kết cấu vỉa hè, mặt đường. Ngay phía trên lớp cát nền đầm chặt bố trí gạch chỉ để bảo vệ cáp, tiếp đó là lưới bảo hiệu cáp ngầm cảnh báo cáp điện. Phía trên hào cáp cứ 15-20m và những nơi bề góc có đặt sứ bảo hiệu cáp ngầm.

Tại các vị trí bề góc của cáp, bố trí các hố ga để kéo cáp thuận tiện

Bố trí 2 tủ phối quang trung tâm để đầu nối cáp từ nhà cung cấp dịch vụ tới các tủ phối quang nhánh. Cáp từ nhà cung cấp dịch vụ tới tủ phối quang trung tâm sử dụng 2 sợi single mode 72FO, 1 sợi cáp cho tín hiệu truyền hình và 1 sợi cáp cho tín hiệu mạng.

Toàn bộ hệ thống thông tin được chôn ngầm trong ống HDPE

5.1.4. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường

Theo Khoản 4, điều 25, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường thì khu vực dự án có yếu tố nhạy cảm về môi trường là: Dự án thực hiện chuyển đổi mục đích sử dụng đất trồng lúa nước từ 02 vụ trở lên (khoảng 19.204m², thẩm quyền chấp thuận của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh theo quy định của pháp luật về đất đai)

5.2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án có khả năng tác động xấu

đến môi trường

Các hạng mục công trình của dự án được thực hiện tại giai đoạn thi công xây dựng với các hoạt động có khả năng tác động xấu đến môi trường và các hoạt động có khả năng tác động xấu đến môi trường trong giai đoạn vận hành dự án được thể hiện qua bảng sau:

Các giai đoạn của dự án	Các hoạt động	Các yếu tố môi trường có khả năng phát sinh
Chuẩn bị thi công, xây dựng HTKT	- Di dời, phá dỡ công trình trên đất, san lấp mặt bằng	- Các vấn đề liên quan đến đời sống cộng đồng do phải chuyển mục đích sử dụng đất, mất đất canh tác... - Sinh khối phát quang - Khối lượng chất thải rắn phá dỡ các công trình - Khối lượng đất bóc tầng mặt - Bụi, khí thải do các hoạt động đào đắp, vận chuyển đất đắp nền - Ảnh hưởng do hoạt động di chuyển hạ ngầm đường điện
	- Vận chuyển nguyên vật liệu xây dựng, máy móc thiết bị - Thi công xây dựng các hạng mục công trình	- Bụi, khí thải do các hoạt động đào đắp, xây dựng và vận chuyển nguyên vật liệu - Nước thải sinh hoạt, nước thải thi công và nước mưa chảy tràn - Chất thải rắn sinh hoạt, phế thải xây dựng. - Tiếng ồn - Tác động đến KT-XH (an ninh trật tự, vấn đề XH khác) - Sự cố, rủi ro
Khu dân cư đi vào hoạt động	- Hoạt động sinh sống của khu dân cư - Hoạt động của các công trình dịch vụ, công cộng - Hoạt động vệ sinh môi trường	- Bụi và khí thải độc hại của các phương tiện ra vào khu dân cư. - Mùi hôi phát sinh từ trạm xử lý nước thải tập trung, hệ thống thu gom rác thải. - Nước thải sinh hoạt từ các hộ dân, các công trình dịch vụ, công cộng; nước mưa chảy tràn. - Chất thải rắn sinh hoạt từ hoạt động của các hộ dân, các công trình dịch vụ, công cộng. - Chất thải nguy hại từ hoạt động của các hộ dân, công trình công cộng. - Vấn đề an ninh trật tự khu vực - Các rủi ro, sự cố: Cháy nổ, dịch bệnh, thiên tai, bão lũ...

5.3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án

A. Giai đoạn triển khai xây dựng dự án

*** Nước thải**

- *Nước mưa chảy tràn*: Nước mưa chảy tràn qua khu vực thi công trong giai đoạn san gạt mặt bằng và xây dựng hạ tầng kỹ thuật, nếu chủ dự án không có phương án xử lý ngay từ đầu, sẽ gây ngập úng không chỉ trong khu vực dự án mà cả khu vực xung quanh do hoạt động thi công ảnh hưởng đến tưới tiêu và thoát nước hiện trạng.

- *Nước thải sinh hoạt*: Nước thải sinh hoạt của công nhân thi công xây dựng phát sinh khoảng 2 m³/ngày

- *Nước thải thi công*:

Nước thải thi công thường có chứa vôi vữa, xi măng. Tuy nhiên, lượng nước thải thi công phát sinh không đáng kể, các tác động đến môi trường dự báo không lớn. Quy mô tác động

Nguồn tiếp nhận nước mưa chảy tràn trong giai đoạn này là suối phía Tây Bắc khu vực dự án. Đây là suối thoát nước địa hình khu vực dự án và xung quanh bắt nguồn từ Giếng nước nằm gần dự án. Ô nhiễm nguồn nước mặt gián tiếp gây ô nhiễm nguồn nước ngầm, nhất là những khu vực gần nguồn tiếp nhận nước thải.

*** Bụi, khí thải**

Bụi, khí thải phát sinh do hoạt động dọn dẹp thực bì, phá dỡ các công trình trên mặt bằng và thi công xây dựng.

Bụi có tác động đến hệ hô hấp, gây sơ hóa và ung thư phổi, tổn thương da, niêm mạc mắt...

Các loại khí thải phát sinh (SO_x, NO_x, CO, CO₂) gây nhiều tác động nguy hiểm hơn đối với con người, khí hậu, hệ sinh thái, công trình nhà cửa như nhiễm độc da, máu, hiệu ứng nhà kính,....

Quy mô bị tác động

- Môi trường không khí khu vực dự án và xung quanh. Đặc biệt tại khu vực cuối hướng gió phía Đông Nam.

- Tuyến đường vận chuyển của các phương tiện giao thông phục vụ dự án sử dụng đường quốc lộ 3, đường cấp phối từ quốc lộ 3 vào khu dân cư.

- Sức khỏe công nhân thi công và người dân sống trong khu vực và xung quanh.

*** Chất thải rắn**

- Chất thải rắn từ hoạt động giải phóng mặt bằng gồm: chất thải tháo dỡ khoảng 29 công trình của 25 hộ dân tương đương khoảng 430 m³, chất thải phá dỡ đường bê tông khoảng 921,3m³, sinh khối thực vật phát quang khoảng 38,6 tấn, đất bóc tầng đất mặt khoảng 8.772 m³; bùn thải bể phốt khoảng 75 m³.

- Chất thải rắn sinh hoạt của công nhân xây dựng: phát sinh khoảng 15 kg/ngày đêm. Các loại chất thải này ít có khả năng gây các sự cố về môi trường, tuy nhiên nếu không được thu gom, chôn lấp hợp vệ sinh thì đây là môi trường thuận lợi cho các loại côn trùng có hại sinh sôi và phát triển, tạo điều kiện cho việc phát tán lây lan bệnh dịch, mất mỹ quan khu vực.

- Phế thải xây dựng gồm vỏ bao xi măng, cốp pha hỏng, gỗ vụn, gạch đá, vật liệu rơi vãi... tất cả đều có thể được tận dụng cho các mục đích khác mà không thải bỏ nên tác động gây ra là không đáng kể.

Quy mô tác động

- Các ảnh hưởng diễn ra chủ yếu trên diện tích dự án và xung quanh khu vực.

- Các chất vô cơ trong đất đá thải, trong nước mưa chảy tràn làm cho đất trở nên chai cứng, biến chất và thoái hoá.

- Chất thải rắn sinh hoạt của các công nhân tại khu vực thi công có thành phần gồm các chất hữu cơ, giấy vụn các loại, nilon, nhựa, kim loại... khi thải vào môi trường các chất thải này sẽ phân hủy hoặc không phân hủy sẽ làm gia tăng nồng độ các chất ô nhiễm làm ô nhiễm môi trường nước, gây hại cho hệ vi sinh vật đất, tạo điều kiện cho ruồi, muỗi phát triển và lây lan dịch bệnh.

Các loại CTNH như dầu mỡ rơi vãi, giẻ lau dính dầu mỡ, bóng đèn neon hỏng...: Ngoài ra trong quá trình xây dựng đường giao thông, còn phát sinh thùng chứa nhựa đường. Chất thải loại này chủ yếu nhiễm độc về mặt hóa học, tuy khối lượng có thể nhỏ song các tác động của nó đến môi trường là rất lớn do đó cần phải kiểm soát chặt chẽ.

B. Giai đoạn dự án đi vào hoạt động

Quy mô, tính chất của nước thải và vùng có thể bị tác động do nước thải

+ *Nước mưa chảy tràn*

- Lưu lượng nước mưa lớn nhất chảy tràn từ khu vực dự án ước tính vào khoảng 0,80 m³/s.

+ *Nước thải sinh hoạt từ các hộ dân, trường mầm non, dịch vụ công cộng*
Lưu lượng nước thải phát sinh của các hộ dân, trường mầm non và từ hoạt động dịch vụ công cộng khoảng 60 m³/ngàyđêm (đã tính đến hệ số dùng nước lớn nhất

K=1,3). Nước thải sinh hoạt có đặc thù chứa hàm lượng cao các chất hữu cơ và các chất dinh dưỡng (N, P...)

Quy mô tác động: Nước thải của khu dân cư, trường mầm non, dịch vụ nếu không được xử lý sẽ gây ô nhiễm nguồn nước tiếp nhận, làm thay đổi hệ sinh thái thủy vực, về lâu dài gây ô nhiễm nguồn nước dưới đất, từ đó ảnh hưởng xấu đến sức khỏe con người thông qua sử dụng nước cấp.

Quy mô, tính chất của bụi, khí thải và vùng có thể bị tác động do bụi, khí thải

+ Khí thải phát sinh từ hoạt động đun nấu

Với định hướng xây dựng một khu dân cư hiện đại, khang trang, sạch sẽ, đảm bảo các vấn đề về vệ sinh môi trường. Các hộ dân và hộ kinh doanh đều được khuyến khích sử dụng nhiên liệu sạch trong đun nấu là gas và sử dụng điện.

+ Khí thải phát sinh từ các phương tiện giao thông

Khi dự án đi vào hoạt động, lượng khí thải phát sinh từ các phương tiện giao thông tùy thuộc vào khối lượng cũng như mật độ các phương tiện giao thông được sử dụng tại khu vực. Loại phương tiện giao thông trong khu vực đô thị chủ yếu là xe máy và xe ô tô con phục vụ nhu cầu đi lại hàng ngày của các hộ dân.

+ Mùi hôi từ trạm xử lý nước thải

Mùi hôi từ trạm XLNT tập trung phát sinh chủ yếu từ các đơn nguyên mà tại đó có xảy ra quá trình phân hủy kỵ khí. Quá trình phân hủy hiếu khí cũng phát sinh mùi hôi nhưng ở mức độ rất thấp.

Quy mô, tính chất của chất thải rắn thông thường

+ Chất thải rắn sinh hoạt

Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt được ước tính dựa trên số lượng người sinh sống, tập trung trong khu dân cư. Theo quy hoạch số lượng người dự kiến 328 người thì lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh khoảng 328 kg/ngày (định mức 1 kg/người/ngày đêm theo QCVN 01:2021/BXD cho đô thị loại II), chất thải rắn công cộng ước tính khoảng 10% lượng rác thải sinh hoạt tương đương 32,8kg/ngđ. Tổng lượng rác thải sinh hoạt phát sinh của khu dân cư Tân Tiến khoảng 360,8 kg/ngđ. Loại chất thải này có thành phần chính gồm các chất hữu cơ (chiếm khoảng 70%), giấy vụn các loại, nylon, nhựa, kim loại, các vật dụng sinh hoạt hàng ngày bị hư hỏng,... nếu không được thu gom xử lý thích hợp sẽ ảnh hưởng xấu tới môi trường sống, gây mất mỹ quan khu vực. Rác thải hữu cơ khi phân huỷ sinh ra mùi hôi; các loại rác hữu cơ làm ô nhiễm đất, rác thải sinh hoạt là môi trường sống và phát triển của các loài ruồi muỗi, chuột bọ và vi khuẩn gây bệnh.

+ Lượng bùn thải từ các bể tự hoại

Nước thải sinh hoạt của các hộ khu dân cư sẽ được xử lý sơ bộ tại các bể tự hoại trước khi đưa về trạm xử lý tập trung.

Lượng bùn của bể tự hoại phát sinh ước tính 0,04 m³/người/năm (Nguồn: QCVN 01:2021/BXD), như vậy với quy mô dân số 328 người, lượng bùn của bể tự hoại sẽ là $328 \times 0,04 = 13,12$ m³/năm.

Đây cũng được xem là chất thải không nguy hại, lượng bùn này sẽ do hộ dân tự thuê đơn vị chức năng đến hút bùn cạn và vận chuyển đi xử lý theo quy định.

Các tác động môi trường khác

A. Giai đoạn triển khai xây dựng dự án

** Tiếng ồn từ hoạt động thi công xây dựng*

- Tiếng ồn do hoạt động của các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu ra vào dự án và các phương tiện thi công như: máy trộn bê tông, máy trộn vữa, máy đào, máy đầm, lu rung

- Tiếng ồn của hoạt động khoan cắt bê tông.

- Hoạt động của các máy móc, thiết bị xây dựng (máy khoan đóng cọc, máy ủi, máy xúc, ô tô vận tải...), tiếng ồn phát sinh từ hoạt động của các thiết bị này có thể lên trên 100 dBA và giảm dần theo khoảng cách.

** Độ rung từ hoạt động thi công xây dựng*

Mức rung của các loại máy móc và thiết bị thi công nằm trong khoảng từ 63 - 98 dB đối với vị trí cách xa 10m so với nguồn rung động. Đối với điểm tiếp nhận cách xa 30m thì mức rung do hầu hết các phương tiện, máy móc thi công của dự án sử dụng đều nhỏ hơn 75 dB (nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 27:2010/BTNMT). Hoạt động của các máy xúc, máy ủi, ô tô... của dự án chủ yếu gây ảnh hưởng trực tiếp tới sức khỏe của người lao động vận hành máy móc, thiết bị.

** Tác động đến hệ thống thoát nước*

Trong khu đất dự án có 01 mương đất thoát nước khu vực dự án và xung quanh. Mương có kích thước dài x rộng x sâu = 256m x 1,5m x 1,2m. Quá trình triển khai dự án sẽ hoàn trả mương này để đảm bảo tiêu thoát nước mưa dự án và xung quanh.

** Tác động do hoạt động di chuyển hạ ngầm đường điện*

Phía Đông Nam khu đất dự án có hệ thống đường điện 22KV chạy qua. Dự án sẽ thực hiện hạ ngầm đường điện đoạn chạy qua dự án nhằm phục vụ cấp điện sinh hoạt

cho khu dân cư và khu vực xung quanh. Quá trình thi công hạ ngầm đường điện vào khu đất sẽ ảnh hưởng một phần đến nhu cầu cấp điện cho sinh hoạt và sản xuất của nhân dân trong vùng. Tuy nhiên các tác động và ảnh hưởng từ hoạt động này chỉ diễn ra trong thời gian ngắn (thời điểm đấu nối điện nguồn với đường điện của dự án) do vậy tác động đến nhu cầu sử dụng điện của người dân không đáng kể.

** Tác động tới giao thông của khu vực*

Trong giai đoạn thi công xây dựng, mật độ xe ra vào dự án tăng lên gây ảnh hưởng tới hoạt động giao thông quanh khu vực dự án, đặc biệt là tuyến đường dân sinh, đường Quốc lộ 3 mà dự án sử dụng để vận chuyển nguyên vật liệu.

** Tác động đến hệ sinh thái khu vực*

Trong giai đoạn chuẩn bị mặt bằng và thi công xây dựng của dự án có hoạt động phát quang, dọn dẹp thảm thực vật, san lấp mặt bằng và xây dựng cơ bản sẽ gây ra một số tác động với hệ sinh thái như: Thay đổi mục đích sử dụng đất, san nền chuẩn bị mặt bằng thi công của dự án là nguyên nhân dẫn đến sự suy giảm thảm thực vật, sự mất đi hoặc di dời của một số loài cá, thủy sinh tại ao nuôi, đồng ruộng trong khu vực dự án.

** Tác động tới môi trường kinh tế - xã hội khu vực*

Trong thời gian xây dựng cơ sở hạ tầng dự án sẽ tạo công ăn việc cho nhiều lao động trực tiếp như: công nhân xây dựng, sửa chữa, lắp đặt thiết bị, bảo vệ; góp phần tăng thu nhập tạm thời cho người lao động, kích thích phát triển một số loại hình dịch vụ ăn uống, sinh hoạt, giải trí khác nhằm phục vụ cho nhu cầu sinh hoạt của công nhân tại khu vực dự án. Bên cạnh đó, việc tập trung lực lượng lớn công nhân sẽ làm tăng sức mua, các nhu cầu về dịch vụ...; tạo điều kiện tốt cho phát triển kinh tế, tạo thêm công ăn việc làm, tăng thu nhập cho người dân địa phương.

** Rủi ro, sự cố trong giai đoạn thi công*

Trong giai đoạn thi công xây dựng các hạng mục công trình các tai nạn, rủi ro, sự cố có thể xảy ra: Tác động do bom mìn còn sót lại, tai nạn lao động, tai nạn giao thông, sự cố do thiên tai, sự cố cháy nổ.

B. Giai đoạn dự án đi vào hoạt động

** Tác động đến môi trường kinh tế - xã hội*

Bên cạnh những lợi ích kinh tế - xã hội mà dự án đem lại thì việc triển khai dự án còn có thể gây ra một số tác động tiêu cực như: Gia tăng tệ nạn xã hội và các bệnh xã hội khác, mất an ninh trật tự khu vực, gây mâu thuẫn giữa người dân đang cư trú và những người mới đến...

** Tác động do các rủi ro, sự cố*

Một số sự cố có thể xảy ra trong giai đoạn khu dân cư đi vào hoạt động như: Sự cố cháy nổ, sự cố về bão lụt, sấm sét, sự cố sụt lún công trình, sự cố ùn tắc hệ thống thoát nước, sự cố lây bệnh hiểm nghèo và nguy cơ lan truyền mầm bệnh, sự cố trạm xử lý nước thải.

5.4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án

5.4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải

*** Thu gom và xử lý nước thải**

- Trong giai đoạn triển khai dự án

+ Đối với nước thải sinh hoạt

Chủ dự án sử dụng nhà vệ sinh lưu động nhựa composite (2 cái) được thiết kế phục vụ cho các công trường xây dựng, ký hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom xử lý khi chứa đầy.

+ Đối với nước thải xây dựng: Bố trí các hố lắng xung quanh dự án để lắng cặn trước khi thải ra môi trường.

+ Đối với nước mưa chảy tràn: Thiết kế hệ thống thoát nước mưa, tránh gây ô nhiễm đất và môi trường nước tại Dự án cụ thể tại các khu vực lán trại và khu vực xây dựng đào đắp nương đất tạm định hướng dòng chảy về phía thấp và trước khi chảy vào nguồn tiếp nhận, tránh gây ô nhiễm đất và môi trường nước tại Dự án, đồng thời thi công xây dựng mới cống thoát nước ngang tuyến, dọc tuyến theo thiết kế được duyệt.

Trong giai đoạn Dự án đi vào hoạt động

- Đối với nước mưa

Xây dựng mới cống thoát nước ngang trên tuyến đảm bảo chiều rộng nền đường

Các cống tròn trên tuyến được thiết kế xây dựng mới và mở rộng, kết cấu bằng BTCT có đường kính từ D400-D600.

Xây dựng cống hộp BxH = 1,2x1,2m

***Về xử lý bụi, khí thải**

Trong giai đoạn triển khai dự án

Che chắn các bãi tập kết vật liệu, bố trí ở cuối hướng gió và có biện pháp cách ly để không ảnh hưởng đến toàn khu vực. Đối với các vật liệu, nhiên liệu như xi măng, sắt thép, dầu nhớt,... cần được bảo quản trong kho cẩn thận nhằm tránh tác động của mưa

nắng và gió gây hư hỏng và giảm thiểu khả năng phát tán bụi cũng như các chất ô nhiễm khác ra môi trường;

Các phương tiện chở vật liệu xây dựng được phủ bạt khi vận chuyển, không chuyên chở vượt quá trọng tải quy định, gây hư hỏng, ảnh hưởng đến chất lượng đường giao thông, đồng thời tránh để rơi vãi đất cát, gạch, bụi xi măng ra đường, gây ô nhiễm ảnh hưởng đến cuộc sống của người dân sống dọc trên tuyến đường vận chuyển;

- Giảm tần suất thi công xây dựng;

Yêu cầu nhà thầu phun ẩm các tuyến đường vận chuyển, qua các khu dân cư với tần suất 2 lần/ngày, nhất là vào mùa khô để hạn chế bụi, phương tiện ra vào công trình phải được vệ sinh.

Trong giai đoạn Dự án đi vào hoạt động

Bảo đảm khoảng cách phù hợp giữa công trình giao thông và các công trình hạ tầng, kiến trúc hài hòa hợp lý đảm bảo người dân sinh sống tốt nhất.

Phối hợp với chính quyền địa phương và các ngành chức năng giám sát, kiểm tra các hạ tầng kỹ thuật đã xây dựng.

5.4.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ chất thải rắn thông thường

Trong giai đoạn triển khai dự án

Cây cối từ quá trình chặt bỏ sẽ được thu gom cho người dân địa phương tận dụng mang về làm củi đốt; phần thực bì loại bỏ hợp đồng với đơn vị chức năng vận chuyển đi xử lý theo quy định.

Đặt các thùng thu gom rác 120 lít có nắp đậy kín tại những vị trí làm việc và khu nghỉ ngơi ăn uống, lán trại của công nhân tại mỗi công trường (mỗi công trường bố trí 02 thùng rác) để thu gom rác và giảm thiểu mùi hôi phát sinh.

Không chôn lấp hoặc đốt rác trong khu vực Dự án.

Ký hợp đồng với đơn vị chức năng để thu gom rác hằng ngày và vận chuyển xử lý theo quy định.

Toàn bộ chất thải rắn xây dựng sẽ được công nhân thu gom hằng ngày, sau đó tập trung tại khu vực gần lán trại của công nhân trên mỗi công trường. Các loại sắt thép vụn, bao bì xi măng được thu gom để bán phế liệu, gỗ cốp pha được tái sử dụng.

Trong giai đoạn dự án đi vào hoạt động

Quy định các xe chở rác, vật liệu xây dựng cần che chắn kỹ trước khi lưu thông trên đường để tránh rơi vãi rác, vật liệu xây dựng trên đường.

Đơn vị quản lý tuyến đường định kỳ vệ sinh, thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải phát sinh trên đường theo đúng quy định.

Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

Trong giai đoạn triển khai dự án

Bố trí các thùng phuy kín để lưu trữ CTNH ở khu vực lán trại nền chống thấm, có mái che theo đúng yêu cầu kỹ thuật, quy trình quản lý chất thải nguy hại quy định ở Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Định kỳ 06 tháng/lần, Nhà thầu thi công sẽ hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển chất thải nguy hại đi xử lý theo đúng quy định.

*** Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung**

Có kế hoạch cụ thể trong việc sử dụng các thiết bị thi công trong công trình một cách hợp lý, lựa chọn phương tiện tốt nhất để có thể giảm bớt nguồn phát sinh tiếng ồn tránh vận hành đồng thời nhiều thiết bị gây ồn.

Giảm tần suất hoạt động của các thiết bị, phương tiện vận tải vào các giờ nghỉ trưa và ban đêm. Các thiết bị gây tiếng ồn lớn sẽ không hoạt động vào thời gian từ 18h – 06h.

Hạn chế bóp còi liên tục và giảm tốc độ của xe khi qua khu vực dân cư.

Không sử dụng cùng một lúc trên công trường nhiều máy móc, thiết bị thi công gây độ ồn lớn vào cùng một thời điểm để tránh tác động cộng hưởng.

*** Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó môi trường**

Trong giai đoạn triển khai dự án

Tăng cường công tác an toàn lao động cho công nhân;

Thực hiện các kế hoạch ứng phó sạt lở địa chất;

Đảm bảo các nguyên tắc an toàn lao động trong thi công xây dựng;

Trong giai đoạn dự án đi vào hoạt động

Lên kế hoạch ứng phó khi xảy ra các ;

Thường xuyên giám sát chất lượng công trình

5.5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của dự án

5.5.1. Giám sát môi trường giai đoạn thi công

** Giám sát khí thải*

Bảng 2. Nội dung giám sát môi trường không khí trong giai đoạn thi công

1	Vị trí	- KK1: Tại điểm giao với đường quốc lộ của dự án - KK2: Tại khu vực thi công dự án - KK3: Tại khu vực tập kết nguyên vật liệu thi công dự án - KK4: Tại khu vực lán trại công nhân
2	Số lượng	04 vị trí
3	Chỉ tiêu giám sát	Nhiệt độ, độ ẩm, tốc độ gió, CO, SO ₂ , NO ₂ , bụi tổng, tiếng ồn, độ rung.
4	Tần suất	3 tháng/lần
5	Quy chuẩn so sánh	- QCVN 05:2013/BTNMT - QCVN 24:2016/BYT. - QCVN 27:2016/BYT - QCVN 02:2019/BYT - QCVN26:2016/BYT

** Giám sát nước thải*

Bảng 4.3. Nội dung giám sát môi trường nước thải sinh hoạt

1	Vị trí	NTSH: Nước thải sinh hoạt tại bể thu nước thải
2	Số lượng	01 vị trí
3	Chỉ tiêu giám sát	pH, BOD ₅ , TSS, TDS, H ₂ S, NH ₄ ⁺ , NO ₃ ⁻ , Dầu mỡ, Chất hoạt động bề mặt, PO ₄ ³⁻ , Tổng Coliform.
4	Tần suất	3 tháng/lần
5	Quy chuẩn so sánh	QCVN 14:2008/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (cột B)

5.5.2. Giám sát khác

**. Giám sát CTR*

+ Đối với CTR xây dựng: Giám sát công tác thu gom, phân loại CTR xây dựng, giám sát việc vận chuyển đổ thải đất, đá thải trong quá trình xây dựng, giám sát hiện tượng trượt sạt bãi thải.

Vị trí giám sát: tại công trường thi công và bãi thải của Dự án

Tần suất giám sát: 1 tháng/lần.

+ Đối với CTNH: giám sát việc thu gom, phân loại, lưu chứa và vận chuyển và xử lý của đơn vị ký hợp đồng.

Vị trí giám sát: Tại kho chứa CTNH tạm.

Tần suất giám sát: 3 tháng/lần.

** Giám sát sự cố dự án*

- *Giám sát sạt lở, sụt lún của công trình:* mức độ sạt lở, sụt lún của công trình.
- + *Vị trí giám sát:* tại công trường thi công.
- + *Tần suất thực hiện:* liên tục trong quá trình thi công.
- *Giám sát quá trình vận chuyển nguyên vật liệu:* Xe chở vật liệu được che chắn, vận chuyển đúng tải trọng, đúng tuyến đường vận chuyển.
- + *Tần suất giám sát:* liên tục trong quá trình vận chuyển nguyên vật liệu.
- *Giám sát việc thực hiện các biện pháp giảm thiểu, phòng ngừa rủi ro, sự cố có thể xảy ra:* sạt lở, xói mòn, an toàn lao động, an toàn công trình...
- + *Tần suất giám sát:* Liên tục trong quá trình thi công Dự án
- + *Vị trí giám sát:* Tại các khu vực công trường đang thi công.

CHƯƠNG 1

THÔNG TIN VỀ DỰ ÁN

1.1. Thông tin chung về dự án

1.1.1 Tên dự án

“Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu dân cư đô thị tại Tổ 1 và Tổ 2A thị trấn Bằng Lũng, huyện Chợ Đồn (đợt 2)”

1.1.2. Tên chủ dự án

Tên chủ dự án: Công ty cổ phần tập đoàn Sơn Phúc

Địa chỉ trụ sở chính: Số 5, ngõ 331 Nguyễn Khang, phường Yên Hòa, Quận cầu giấy, thành phố Hà Nội

Đại diện: Ông Nguyễn Thế Hùng Chức vụ: Chủ tịch hội đồng quản trị

Địa chỉ thực hiện dự án: Tổ 2, thị trấn Bằng Lũng, huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn

Nguồn vốn: tổng vốn đầu tư của dự án 55.267.000.000 VNĐ (Năm mươi năm tỷ, hai trăm sáu mươi bảy triệu đồng)

* Tiến độ thực hiện dự án: Tiến độ thực hiện dự án theo Quyết định chủ trương đầu tư số 1127/QĐ-UBND ngày 02/7/2021 của UBND tỉnh Bắc Kạn như sau:

Từ quý III/2021 đến quý IV/2021: Thực hiện các thủ tục đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư. Sau khi lựa chọn được nhà đầu tư, thời gian triển khai đầu tư, xây dựng và hoàn thiện dự án trong 24 tháng kể từ thời điểm được bàn giao đất và cấp phép xây dựng.

1.1.3. Vị trí địa lý của địa điểm thực hiện dự án

Ranh giới khu đất nghiên cứu lập dự án được xác định trên cơ sở đồ án Quy hoạch sử dụng đất tỷ lệ 1/500 thị trấn Bằng Lũng. Khu vực nghiên cứu dự án nằm trên địa phận thị trấn Bằng Lũng có tổng diện tích đất nghiên cứu khoảng 3,09 ha.

Phía Đông giáp khu dân cư hiện trạng và đường Quốc lộ 3B;

Phía Tây giáp khu dân cư hiện trạng và chợ Bằng Lũng;

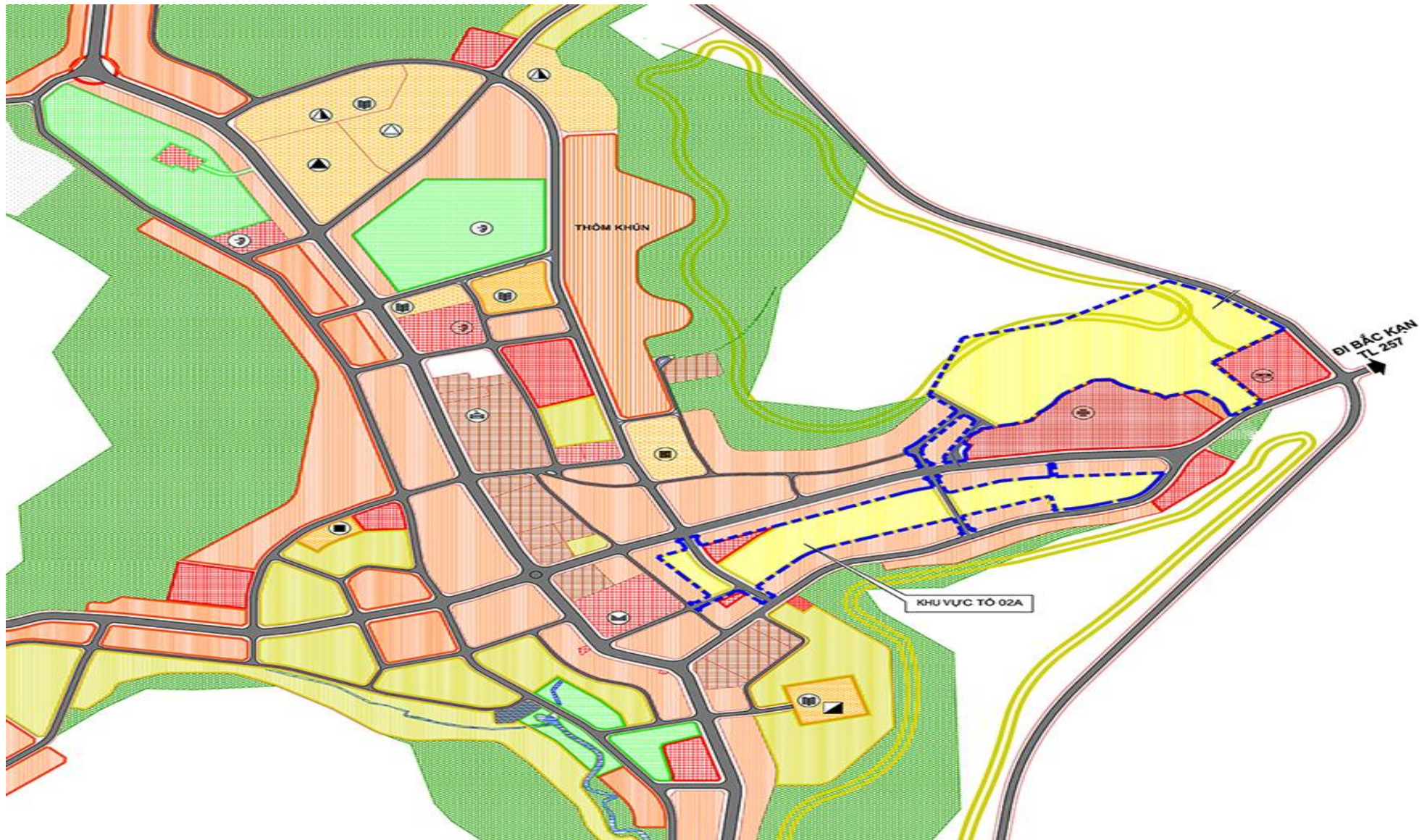
Phía Nam giáp khu dân cư hiện trạng và đường Quốc lộ 3B;

Phía Bắc khu vực dân cư thị trấn và BV đa khoa huyện Chợ Đồn.

Dựa trên bản đồ hiện trạng hạ tầng kỹ thuật của dự án, tọa độ vị trí mốc ranh của dự án (theo hệ tọa độ hệ VN 2000, múi 3 độ) thể hiện như bảng dưới:

Bảng 1.1: Tọa độ vị trí dự án

Tên điểm	Tọa độ VN2000 KT trục 106 ⁰ 30' múi chiều 3	
	X (m)	Y (m)
1	2450143	407038
2	2450136	406989
3	2450115	406933
4	2450145	406923
5	2450142	406912
6	2450126	406920
7	2450115	406885
8	2450026	406680
9	2450042	406674
10	2450035	406658
11	2450020	406666
12	2450006	406638
13	2449938	406691
14	2449925	406671
15	2449917	406677
16	2449947	406724
17	2449928	406745
18	2449940	406756
19	2449956	406738
20	2450019	406801
21	2450073	406940
22	2450046	406950
23	2450051	406959
24	2450076	406948
25	2450109	407034
26	2450086	407043
27	2450098	407095
28	2450111	407128
29	2450120	407138
30	2450150	407156



Hình 1.1. Vị trí khu vực dự án

1.1.4. Hiện trạng quản lý, sử dụng đất, mặt nước của dự án.**a) Hiện trạng sử dụng đất**

- Khu đất thực hiện dự án chủ yếu là đất trồng lúa, còn lại là đất ở, đất trồng cây hàng năm, đất giao thông, thủy lợi ... Tổng diện tích đất thực hiện dự án khoảng 30.906 m². Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu dân cư đô thị tại Tổ 2A thị trấn Bằng Lũng, huyện Chợ Đồn đã được UBND huyện Chợ Đồn đăng ký nhu cầu sử dụng đất năm 2018 và được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 07/12/2017.

Bảng 1.2. Hiện trạng sử dụng đất của Dự án

Stt	Chức năng sử dụng đất	Loại đất	Diện tích
			(m ²)
1	Đất ở đô thị	ODT	1.471,2
2	Đất chuyên trồng lúa nước	LUC	43,8
3	Đất chuyên trồng lúa nước còn lại	LUK	22.073,8
4	Đất trồng cây hàng năm khác	BHK	1.0114,4
5	Đất giao thông	DGT	1.83,5
6	Đất thủy lợi	DTL	434,4
7	Đất ở hiện trạng	OHT	4.585,0
TỔNG DIỆN TÍCH			30.906

b. Hiện trạng hạ tầng kỹ thuật*** Giao thông**

- Giao thông đối ngoại: Dự án đấu nối với các tuyến đường:

+ Tuyến đường nội thị: mặt đường bê tông nhựa, mặt cắt đường có bề rộng 10,50m gồm lòng đường rộng 2x3,75m, hè rộng 2x1,5m.

+ Tuyến đường trục ngang nội thị đoạn từ ngã ba trung tâm Y tế huyện đi UBND thị trấn Bằng Lũng: mặt đường bê tông nhựa, mặt cắt đường có bề rộng 15,50m gồm: lòng đường rộng 2x3,75m, hè rộng 2x4,0m.

- Giao thông đối nội: Khu vực lập quy hoạch chủ yếu là đất nông nghiệp. Hệ thống giao thông hiện trạng chủ yếu là đường mòn.

*** Hiện trạng cấp điện và thông tin liên lạc:** Trong khu vực dự án có tuyến đường dây không trung thế 35kV thuộc lộ 371 E26.2 chạy dọc tuyến đường gần khu dự án. Hiện nay trên địa bàn huyện Chợ Đồn có các đơn vị khai thác dịch vụ thông tin liên lạc chính bao gồm Tổng công ty Viễn thông Việt nam (VNPT), Công ty Viễn thông quân đội (Viettel), Công ty viễn thông FPT và một số nhà mạng khác.

* **Cấp nước:** Trong phạm vi ranh giới dự án chưa có hệ thống cấp nước sinh hoạt. Tuyến ống cấp nước hiện có của Công ty cổ phần Cấp thoát nước Bắc Kạn đi qua gần dự án tại vỉa hè đối diện dự án là đường ống UPVC có đường kính DN125mm.

* **Hiện trạng thoát nước mưa:** Trong phạm vi ranh giới dự án hệ thống thoát nước nhỏ lẻ, chưa được đầu tư đồng bộ, hệ thống thoát nước chủ yếu là rãnh đất và mương đất, một số ít là công tròn và mương xây bằng bê tông cốt thép. Nước mưa chủ yếu tự chảy theo hướng dốc địa hình và tập trung về hệ thống các mương thoát nước hiện có.

* **Hiện trạng thoát nước thải và vệ sinh môi trường:** Trong khu vực dự án chưa có hệ thống thoát nước thải, trạm xử lý nước thải và xử lý rác thải riêng. Hiện tại nước thải đang được thoát chung với hệ thống nước mưa. Trong phạm vi ranh giới dự án không có nguồn gây ô nhiễm ảnh hưởng đến môi trường.

1.1.5. Khoảng cách từ dự án tới khu dân cư và khu vực có yếu tố nhạy cảm về môi trường

- Về dân cư: Các khu dân cư gần công trình bị ảnh hưởng gồm dân cư xung quanh dự án tổ 2 chạy dọc tuyến đường nội thị của thị trấn Bằng Lũng

- Khoảng cách tới các công trình, đối tượng khác có khả năng chịu ảnh hưởng của Dự án: Các công trình, đối tượng xung quanh khu vực như UBND thị trấn Bằng Lũng, các cơ sở sản xuất kinh doanh xung quanh khu vực dự án và Chợ trung tâm thị trấn Bằng Lũng nằm ở phía Nam dự án cách khoảng 200m.



Hình 1.2. Một số hình ảnh hiện trạng dự án

1.1.6. Mục tiêu; loại hình, quy mô; công suất; công nghệ của dự án.**a/ Mục tiêu của dự án**

- Hình thành khu đô thị mới hiện đại, đồng bộ, đáp ứng nhu cầu phát triển nhà ở, hiện thực hóa quy hoạch xây dựng đô thị, góp phần làm thay đổi bộ mặt không gian kiến trúc cảnh quan trên địa bàn huyện Chợ Đồn, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

- Nâng cao hiệu quả khai thác sử dụng quỹ đất và đóng góp cho ngân sách của nhà nước.

- Xây dựng Khu dân cư đô thị tại thị trấn Bằng Lũng đồng bộ phù hợp với Quy chuẩn xây dựng Việt Nam. Tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan gắn kết hợp hài hoà với khu vực lân cận.

- Tạo công ăn việc làm cho người lao động tại địa phương và nguồn thu cho ngân sách nhà nước. Làm cơ sở để thu hồi, chuyển đổi mục đích sử dụng, giao đất và quản lý đất đai theo quy định. Làm cơ sở để thực hiện các bước tiếp theo theo quy định, quy trình quản lý đầu tư xây dựng. Xây dựng đồng bộ hệ thống hạ tầng kỹ thuật, khớp nối giữa khu đô thị và các dự án lân cận.

b/ Quy mô dự án, Công suất dự án

- Quy mô sử dụng đất của dự án: Tổng diện tích khoảng 30.906,4m²

- Quy mô dân số: 432 người

c/ Loại hình dự án

Xây dựng khu dân cư có xây nhà bố trí thành các cụm nhà ở liên kế và nhà ở xã hội được đầu tư với hạ tầng kỹ thuật đồng bộ.

1.2. Các hạng mục công trình của dự án**1.2.1. Các hạng mục công trình chính**

- Hạng mục đường giao thông.
- Hạng mục san nền dự án;
- Hạng mục công trình cấp nước.
- Hạng mục công trình thoát nước mưa, nước thải.
- Phương án phân bổ đất sau khi san xong nền

Bảng 1.3: Bảng cân bằng đất

Stt	Hạng mục	Ký hiệu	Diện tích đất (m ²)	Tỷ lệ (%)
1	Đất ở hiện trạng	OHT	4.585	14,84
2	Đất ở mới		11.931	38,6
2.1	Đất ở biệt thự	OBT	0	
2.2	Đất ở liên kế	OLK	11.931	
3	Đất thương mại dịch vụ	TMDV	0	0

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

4	Đất công trình công cộng	CC	1.557	5,04
5	Đất cây xanh cảnh quan	CX	1.109	3,59
5.1	CX-01		160	
5.2	CX-02		180	
5.3	CX-03		160	
5.4	CX-04		180	
5.5	CX-05		429	
6	Đất giao thông	GT	11.724	37,93
Tổng cộng			30.906	100,0

Phương án quy hoạch sơ bộ với quy mô kiến trúc như sau:

- Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật đồng bộ cho toàn bộ diện tích dự án gồm các hạng mục: Hệ thống đường giao thông, thoát nước mưa, thoát nước thải, cấp nước, hệ thống cấp điện, điện chiếu sáng, thông tin liên lạc, cây xanh ... theo quy hoạch chi tiết 1/500 đã được phê duyệt tại Quyết định số 470/QĐ-UBND ngày 09/3/2018 của UBND huyện Chợ Đồn.

- Xây dựng nhà ở thương mại: Tổng số lô đất ở liền kề là 108 lô với diện tích khoảng 11.931 m², trong đó:

+ Xây dựng nhà ở liền kề theo hình thức xây thô, hoàn thiện mặt ngoài theo thiết kế mẫu tại vị trí lô đất có ký hiệu OLK-01. Tổng số lô là 14 lô, với diện tích đất xây dựng khoảng 1.811 m², mật độ xây dựng tối đa 90%, chiều cao xây dựng tối đa 4 tầng.

+ Các lô còn lại được xây dựng đồng bộ hạ tầng kỹ thuật và kinh doanh theo hình thức bán đất nền để người dân xây dựng nhà ở theo quy hoạch. Tổng số lô là 94 lô, với diện tích đất khoảng 10.120 m².

- Diện tích đất để xây dựng nhà ở xã hội: Không.

- Đất công trình hạ tầng xã hội: Tổng diện tích khoảng 2.666 m², trong đó:

+ Xây dựng các công viên cây xanh, khu vui chơi giải trí và các công trình dịch vụ phụ trợ tại vị trí CX-01, CX-02, CX-03, CX-04, CX-05 với diện tích đất khoảng 1.109 m².

+ Công trình công cộng (Nhà văn hoá, nhà sinh hoạt cộng đồng): Sau khi Nhà đầu tư xây dựng hoàn chỉnh hệ thống hạ tầng kỹ thuật khu đô thị sẽ bàn giao cho nhà nước với diện tích khoảng 1.557 m².

1.2.2. Các hạng mục công trình phụ trợ của dự án

* Hạng mục Cây xanh

- Lô cây xanh CX-01 diện tích: 160 m²
- Lô cây xanh CX-02 diện tích: 180 m²
- Lô cây xanh CX-03 diện tích: 160 m²
- Lô cây xanh CX-04 diện tích: 180 m²
- Lô cây xanh CX-05 diện tích: 429m²

Những loại cây bụi trồng loại cây thấp từ 0,3-:0,7m trồng cây như Nhài Nhật, Hoa Giấy, Cẩm Tú Cầu, những loại cây hoa, thảm hoa trang trí trồng các loại như: Cỏ Lá Gừng, Cúc Mặt Trời, Cỏ Lạc. Những cây tiểu mộc trồng điểm cao từ 1,8-:2,5m những loại cây hoa trang trí theo mùa để phù hợp với thời tiết và tháng nở hoa trong năm

** Hạng mục kè chắn*

Với điều kiện địa hình hiện trạng trong khu vực xây dựng công trình, để đảm bảo an toàn và mục tiêu công trình là tạo cảnh quan đô thị, thân thiện với môi trường; Đơn vị tư vấn đề xuất chọn kết cấu kè trọng lực:

- Lựa chọn kết cấu kè đá xây VXM M100 thân và móng kè, kết cấu có thể uốn nắn theo địa hình vì vậy có thể dễ dàng bám sát nền mái. Kết cấu đơn giản, dễ dàng thi công.
- Bê tông lót M100, đá 2x4 đáy kè;
- Khe phòng lún được bố trí trung bình 1 khe/1 phân đoạn 20m, khe phòng lún sử dụng bao tải đay tẩm nhựa đường.

** Hạng mục cấp điện*

- Tổng công suất tiêu thụ cho khu tổ 2A là khoảng 377KVA.
- Xây dựng mới 01 trạm biến áp với công suất 1x400kVA-35(22)/0,4kV để cấp điện cho dự án.
- Dự án sẽ được cấp điện từ tuyến đường dây không trung thế 35kV thuộc lộ 371 E26.2 chạy dọc quốc lộ 3B.
- Điểm đấu: Dự kiến đấu tại cột 30 lộ 371 E26.2. Tại vị trí cột điểm đấu lắp đặt 01 bộ cầu dao phụ tải 35kV-630A->=16kA/s, 01 bộ chống sét van ZnO-35kV và phụ kiện xà sứ ở cấp điện áp 35kV.

Trạm biến áp sử dụng loại trạm 1 cột hợp bộ. Trạm đặt ở khu vực cây xanh, vườn hoa, vỉa hè để đảm bảo mỹ quan khu vực, an toàn giao thông và yêu cầu kinh tế.

Trạm kiểu 1 cột hợp bộ: Gồm 3 phần: trung thế, máy biến áp, hạ thế.

Vỏ trạm chế tạo bằng tôn đen sơn tĩnh điện, được chế tạo theo dây chuyền công nghệ CNC.

** Hạng mục cấp thoát nước*

- Cấp nước:

Điểm đầu nối cấp nước cho dự án dự kiến được cấp tại đường ống cấp nước hiện có của Công ty cổ phần Cấp thoát nước Bắc Kạn chạy dọc vỉa hè đường đối diện tiếp giáp với ranh giới quy hoạch của dự án. Đường ống cấp nước hiện có sử dụng ống nhựa uPVC có đường kính DN125mm, áp lực trung bình tại vị trí đầu nối là 3kg/cm²; Lưu lượng cung cấp lớn nhất tại vị trí đầu nối có thể đạt khoảng $\geq 15\text{l/s}$ (Khi điều tiết các van trên hệ thống để tập trung lưu lượng cho khu vực dự án trong trường hợp có cháy xảy ra).

- Mạng lưới đường ống:

+ Vật liệu đường ống cấp nước: Dùng ống nhựa HDPE PN10 cho tất cả các đường kính ống từ DN63 đến DN110mm.

+ Tại các lô đất để các ống chờ HDPE DN25 bịt đầu để đầu nối cho các hộ dân.

+ Tuyến ống cấp nước chính chôn sâu từ 0,7m đến 1,2m, tuyến ống cấp nước dịch vụ chôn sâu từ 0,5 đến 0,9m. Đối với các tuyến ống đi dưới lòng đường được luồn trong ống thép.

- Cấp nước cứu hỏa:

Căn cứ vào quy chuẩn và tiêu chuẩn PCCC, đường kính ống cấp nước PCCC cho khu dự án là ống HDPE DN110.

Với quy mô dân số dự án khoảng 432 người, theo QCVN 06:2022/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn cháy cho nhà và công trình, lưu lượng nước từ mạng đường ống cho chữa cháy ngoài nhà cho 1 đám cháy là $Q_{cc} = 10\text{ lít/s}$. Hệ thống cấp nước chữa cháy của khu dự án là mạng áp lực thấp, khi có cháy xe cứu hỏa đến lấy nước tại hòng cứu hỏa. Hòng cấp nước cứu hỏa được bố trí nằm trên đường ống cấp nước chính HDPE có đường kính DN110.

Trụ nước chữa cháy ngoài nhà được bố trí dọc theo đường giao thông, khoảng cách giữa các trụ cứu hỏa từ 100÷150m/hòng, đảm bảo bán kính phục vụ không quá 150m (Chi tiết xem hồ sơ PCCC).

- Thoát nước: Hệ thống thoát nước được thiết kế theo nguyên tắc tự chảy và phù hợp với hệ thống thoát nước của khu vực theo quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 đã được phê duyệt

+ Thoát nước mưa:

Khu quy hoạch được phân làm hai khu vực thoát nước chủ yếu:

Thoát nước mưa theo dạng phân tán, nhằm thoát nhanh nước mặt và giảm thiểu kích thước đường cống. Toàn bộ dự án chia thành 2 lưu vực chính, bao gồm:

- Lưu vực 1: Thu gom phần lưu vực phía Đông và Đông Bắc của dự án bằng hệ thống cống BTCT có đường kính từ D400 – D600 và đầu nối tại vị trí DN2 vào rãnh dọc trục đường ngang nội thị.

- Lưu vực 2: Thu gom phần lưu vực trung tâm dự án và phía Tây của dự án bằng hệ thống cống BTCT có đường kính từ D400 – D600, cống hộp Bxh = 1200x1200mm đầu nối tại vị trí DN4 vào kênh mương thoát nước tổ 11B, thị trấn bằng Lũng.

Tại các vị trí giáp với dân cư hiện ở phía Nam và phía Tây dự án, thiết kế tuyến mương B500, B1000 hoàn trả thoát nước cho kênh thoát nước cho các kênh mương cũ thuộc đất hạ tầng kỹ thuật nhằm đảm bảo không gây úng lụt cho dân cư hiện hữu và quá trình thi công dự án.

+ Thoát nước thải: Hệ thống thoát nước thải được thiết kế riêng hoàn toàn với hệ thống thoát nước mưa. Nước thải từ các hộ gia đình, công trình và dân cư hiện trạng trong khu vực dự án được xử lý sơ bộ qua bể tự hoại để giảm nồng độ ô nhiễm trước khi thoát vào các hố ga xây dựng trên đất hạ tầng kỹ thuật hoặc vỉa hè trên các tuyến đường, sau đó đổ vào các tuyến cống chính. Toàn bộ nước thải của dự án được thu gom và đầu nối tại vị trí DN4 vào kênh mương thoát nước tổ 11B, thị trấn bằng Lũng.

** Hệ thống chiếu sáng công cộng*

Cấp điện cho hệ thống đèn chiếu sáng công cộng được lấy từ 01 tủ điều khiển chiếu sáng (nguồn cấp từ Trạm biến áp).

Với mặt cắt có lòng đường rộng nhỏ hơn 8m bố trí một bên đường sử dụng loại cột thép đơn 9m bóng Led cao áp công suất bóng 1x100W để chiếu sáng đường giao thông. Với khoảng cách trung bình giữa các cột là 30m.

Là loại hợp bộ kiểu ngoài trời. Vỏ tủ bằng kim loại sơn tĩnh điện. Tủ điện đặt trên bệ bê tông và được nối đất an toàn.

Tủ điều khiển chiếu sáng làm việc ở 2 chế độ (để tiết kiệm điện):

Mùa hè:

+ Chập tối: Từ 18h30 đến 22h30 tắt cả các đèn đều đóng.

+ Đêm khuya: Từ 22h30 đến 5h00 sáng hôm sau: cắt bớt 1/3 hoặc 2/3 số đèn.

Mùa đông:

+ Chập tối: Từ 17h30 đến 22h00 tắt cả các đèn đều đóng.

+ Đêm khuya: Từ 22h00 đến 6h00 sáng hôm sau: cắt bớt 1/3 hoặc 2/3 số đèn.

** Hệ thống thông tin liên lạc*

Nguồn thông tin cấp cho dự án dự kiến được lấy từ tuyến thông tin chạy dọc tuyến đường trục ngang nội thị hoặc quốc lộ 3B giáp ranh giới dự án.

Bố trí các bể cáp để kéo cáp cho các tuyến trục chính, trục nhánh thông tin và bố trí các ganivo kéo cáp thuê bao đến từng phân lô. Đối với tuyến trục chính sử dụng 02 ống u-PVC D110, tuyến trục nhánh cáp đến thuê bao sử dụng 02 ống u-PVC D60. Tuyến ống chờ kéo cáp thông tin đến từng lô được sử dụng loại ống HDPE D32/25.

Các tủ thông tin khu vực cấp cho dự án do nhà mạng cung cấp được đặt tại khu vực cây xanh, gần khu vực đường giao thông thuận lợi cho công tác vận hành và quản lý. Từ tủ thông tin khu vực cấp đến cho các tủ thông tin thuê bao được đặt tại từng lô đất.

Tuyến cáp thông tin được luồn trong ống nhựa u-PVC, HDPE và chôn trực tiếp trong đất. Ống nhựa loại u-PVC D110, u-PVC D60, HDPE D32/25 được sử dụng là loại đảm bảo các thông số kỹ thuật theo TCVN 8699:2011 - Mạng viễn thông. Ống nhựa dùng cho tuyến cáp ngầm. Yêu cầu kỹ thuật.

1.2.3. Các hoạt động của dự án

a/ Giai đoạn chuẩn bị và thi công xây dựng các hạng mục công trình

- Hoạt động đền bù, giải phóng mặt bằng.
- Vận chuyển máy móc, thiết bị, nguyên vật liệu cho quá trình thi công.
- Thi công tuyến đường đầu nối và các hạng mục phụ trợ khác.
- Dọn dẹp khu vực phụ trợ sau khi hoàn thành thi công xây dựng.

b/ Giai đoạn vận hành dự án

Dự án khi thi công xây dựng xong đưa vào khai thác vận hành giai đoạn đầu cần theo dõi các công trình chiếu sáng, hệ thống cấp thoát nước vận hành ổn định xuyên suốt thời gian vận hành của dự án.

Dự án chủ yếu hoạt động tạo mặt bằng sạch phân lô tạo khu dân cư sạch đẹp đầy đủ điều kiện hoạt động sinh sống của người dân có mặt thu nhập trung bình.

1.2.4. Các hạng mục xử lý chất thải và bảo vệ môi trường

1.2.2.1. Hệ thống thoát nước mưa

**** Hướng thoát nước:***

Thoát nước mưa theo dạng phân tán, nhằm thoát nhanh nước mặt và giảm thiểu kích thước đường cống. Toàn bộ dự án chia thành 2 lưu vực chính, bao gồm:

- Lưu vực 1: Thu gom phần lưu vực phía Đông và Đông Bắc của dự án bằng hệ thống cống BTCT có đường kính từ D400 – D600 và đầu nối tại vị trí DN2 vào rãnh dọc trục đường ngang nội thị.

- Lưu vực 2: Thu gom phần lưu vực trung tâm dự án và phía Tây của dự án bằng hệ thống cống BTCT có đường kính từ D400 – D600, cống hộp Bxh = 1200x1200mm đầu nối tại vị trí DN4 vào kênh mương thoát nước tổ 11B, thị trấn bằng Lũng.

Tại các vị trí giáp với dân cư hiện ở phía Nam và phía Tây dự án, thiết kế tuyến mương B500, B1000 hoàn trả thoát nước cho kênh thoát nước cho các kênh mương cũ thuộc đất hạ tầng kỹ thuật nhằm đảm bảo không gây úng lụt cho dân cư hiện hữu và quá trình thi công dự án.

*** Mạng lưới cống thoát nước:**

Hệ thống thoát nước thiết kế cho khu vực dự án là hệ thống thoát nước riêng nước mưa và nước thải. Hệ thống thoát nước theo chế độ tự chảy.

Nước mưa trong các lô đất, trên đường được thu về các cửa thu có song chắn rác, rồi tập chung chảy về các hố ga trên tuyến cống thoát nước mưa.

Hệ thống giếng thu nước mưa được bố trí cách nhau 30-40m.

Độ dốc cống thoát nước lấy theo độ dốc tối thiểu $i=1/D$.

Hố ga thu trực tiếp và hố ga thăm sử dụng hố ga bê tông cốt thép, thành và đáy hố ga BTCT M250 đá 1x2 trên lớp bê tông lót M100. Nắp hố ga là tấm đan composite.

Đối với các tuyến mương hoàn trả: Tuyến mương B500 sử dụng mương xây gạch vữa xi măng M75 trát trong dày 20mm, đáy BTCT M250 đá 1x2 trên lớp bê tông lót M100. Tuyến mương B1000 sử dụng mương bê tông cốt thép, thành và đáy mương BTCT M250 đá 1x2 trên lớp bê tông lót M100. Nắp đan BTCT M250 đá 1x2.

Đường kính cống thoát nước được thiết kế căn cứ vào lưu lượng nước mưa của dự án và các khu vực lân cận, cống được dùng là cống bê tông cốt thép ly tâm có đường kính từ D400-D600mm và cống hộp Bxh=1200x1200 có tải trọng tiêu chuẩn đối với cống đi trên vỉa hè và cống có tải trọng cao khi đặt dưới lòng đường.

1.2.2.2. Hệ thống thoát nước thải

Hệ thống thoát nước thải được thiết kế riêng hoàn toàn với hệ thống thoát nước mưa. Nước thải từ các hộ gia đình, công trình và dân cư hiện trạng trong khu vực dự án được xử lý sơ bộ qua bể tự hoại để giảm nồng độ ô nhiễm trước khi thoát vào các hố ga xây dựng trên đất hạ tầng kỹ thuật hoặc vỉa hè trên các tuyến đường, sau đó đổ vào các

tuyến cống chính. Toàn bộ nước thải của dự án được thu gom và đầu nối tại vị trí DN4 vào kênh mương thoát nước tổ 11B, thị trấn bằng Lũng.

Hệ thống thoát nước thải trong dự án bao gồm tuyến cống thoát nước chính và hệ thống thoát nước dịch vụ:

- Tuyến cống thoát nước chính:

+ Mạng lưới đường ống thoát nước thải sinh hoạt bao gồm các hố thăm, các tuyến cống dẫn có nhiệm vụ thu gom và đưa nước thải đầu ra vị trí DN4.

+ Với khoảng cách trung bình từ 20-30m, tại các vị trí tuyến cống chuyển hướng, tại vị trí nối cống sẽ xây dựng các hố thăm. Các hố thăm này sẽ bố trí sẵn các lỗ chờ để đón nước thải từ các hộ xả vào.

+ Tuyến cống thoát nước thải được bố trí ở đất hành lang kỹ thuật hoặc trên vỉa hè trước cửa các dãy nhà.

+ Độ sâu điểm đầu của cống thoát nước cần đảm bảo 2 tiêu chí: Đáp ứng chiều sâu chôn cống tối thiểu theo tiêu chuẩn và đủ chiều sâu để kết nối cho ống thoát nước từ trong công trình.

- Tuyến cống thoát nước dịch vụ:

+ Thiết kế hệ thống ống uPVC DN110 đầu nối từ hố ga thoát nước thải từng công trình ra hố ga chung của hệ thống thoát nước thải. Dự kiến đầu nối 4 hộ cho 1 hố ga thăm.

Chỉ tiêu thoát nước thải xác định tính toán lấy bằng 100% tiêu chuẩn cấp nước bao gồm (nước thải sinh hoạt + nước thải công trình công cộng + nước thải trường mầm non và tiểu học). Bảng tính toán nhu cầu thoát nước của dự án:

Stt	Đối tượng cấp nước	Lưu lượng cấp nước (m ³ /ngđ)	Tiêu chuẩn thải nước (%)	Tổng
I	Cấp nước sinh hoạt (Q1)	51,84	100	51,84
II	Cấp nước cho công cộng, thương mại dịch vụ (Q2)	3,11	100	3,11
III	Cấp nước cho nhà trẻ, mẫu giáo, trường học (Q3)	0	100	0
Tổng nhu cầu thoát nước thải				54,95

Tổng nhu cầu thoát nước thải của dự án làm tròn: 60 m³/ng.đêm.

1.2.2.3. Vệ sinh môi trường

- Quy hoạch thu gom chất thải: Tổ chức mạng lưới thu gom chất thải rắn cho các công trình và khu dân cư. Tại các vỉa hè bố trí các thùng đựng rác để thu gom trong ngày.

- Bố trí thùng đựng rác riêng tại các công trình công cộng.

- Các điểm dân cư, chất thải rắn được thu gom bằng xe đẩy tay sau đó vận chuyển đến điểm tập kết. Xe chuyên chở rác thu gom tại các điểm tập kết chuyển đến bãi tập trung chất thải rắn.

- Chủ dự án sẽ hợp đồng với đơn vị có chức năng đến thu gom xử lý theo quy định.

1.3. Nguyên, nhiên, vật liệu, hóa chất sử dụng của dự án; nguồn cung cấp điện, nước cho dự án

1.3.1. Nhu cầu nguyên, vật liệu cho giai đoạn thi công xây dựng

Các loại vật liệu này đều là vật liệu thông thường có tại địa phương, có thể đáp ứng được tiến độ thi công.

1.3.2. Nhu cầu cấp điện, cấp nước

**** Nhu cầu cấp nước***

Nguồn nước cấp cho giai đoạn xây dựng và hoạt động của dự án được chia thành các giai đoạn như sau:

+ Giai đoạn đầu: đầu tư giếng khoan và bể chứa nước trong khu đất hạ tầng để cung cấp nước cho các hộ dân.

+ Giai đoạn sau: đấu nối với hệ thống cấp nước của khu vực trên tuyến đường hiện hữu.

- Nước dùng trong giai đoạn xây dựng hạ tầng chủ yếu là nước sinh hoạt cho công nhân lao động, nước tưới đường, nước phòng cháy chữa cháy.

- Nước cấp cho sinh hoạt của công nhân:

Mỗi ngày có khoảng 50 công nhân làm việc tại khu vực dự án trong giai đoạn này. Tiêu chuẩn cấp nước tính toán được xác định theo QCVN 01:2021/BXD thì lượng nước sử dụng là 80 lít/người.ngày, thì lượng nước cấp sinh hoạt trong quá trình xây dựng của dự án là khoảng 4m³/ngày.đêm.

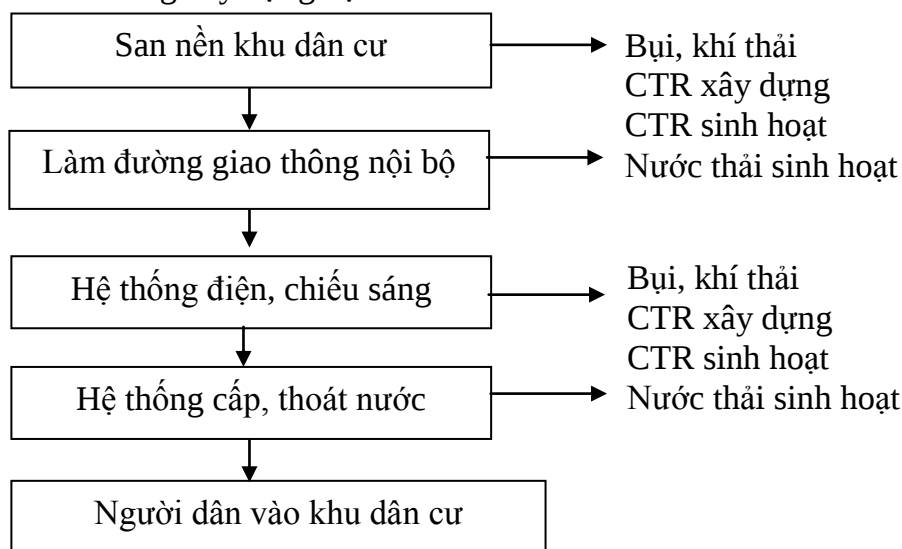
- Đối với nước dùng để uống cho công nhân, chủ đầu tư sẽ mua loại nước suối 20 lít để đảm bảo an toàn vệ sinh nước uống.

**** Nhu cầu cấp điện***

Tổng nhu cầu cấp điện của dự án là 377kVA, xây dựng mới 01 trạm biến áp với công suất 1x400kVA-35(22)/0,4kV để cấp điện cho dự án.

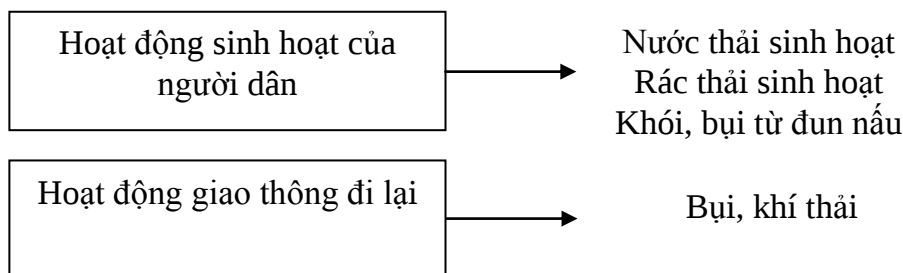
1.4. Công nghệ sản xuất, vận hành

- Quy trình thi công xây dựng dự án



Hình 1.3. Quy trình thực hiện các hạng mục dự án giai đoạn xây dựng

- Quá trình đưa khu dân cư vào sử dụng



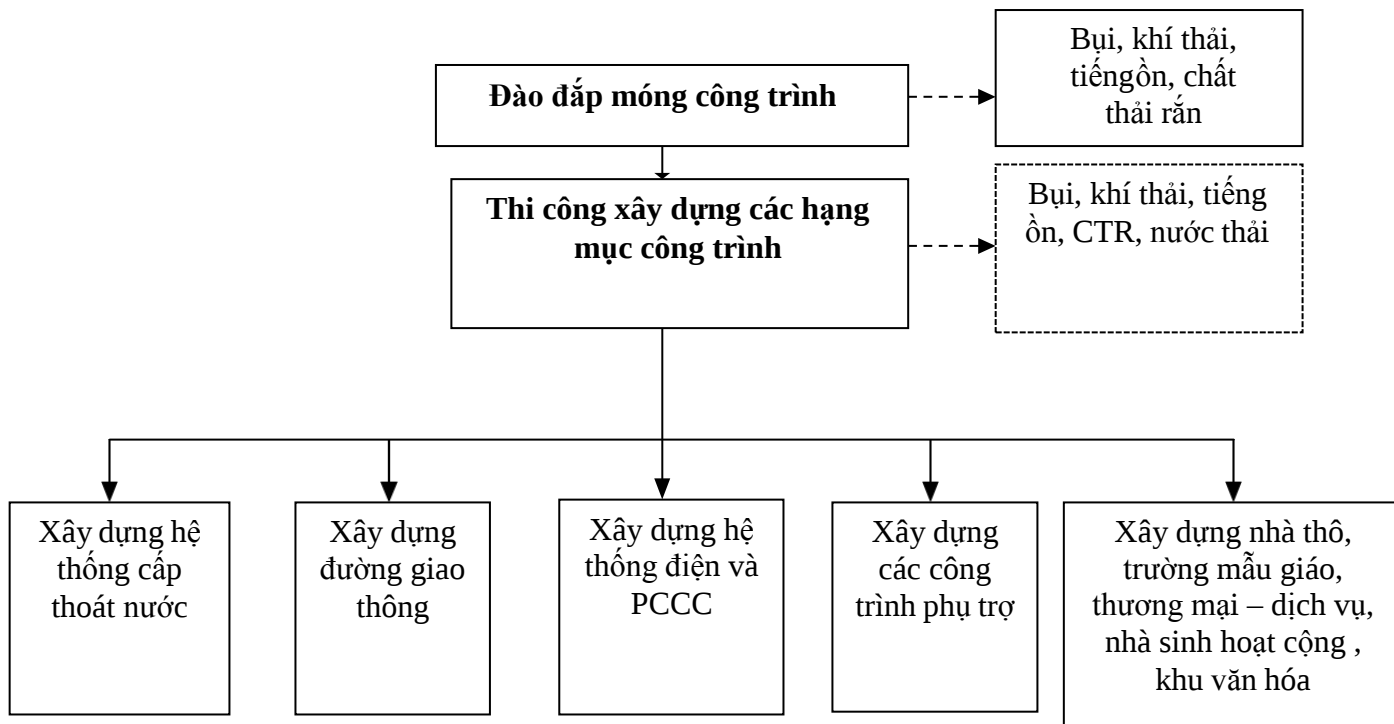
Hình 1.4. Giai đoạn Công trình đi vào sử dụng

1.5. Biện pháp tổ chức thi công

a. Công tác chuẩn bị chính trước khi thi công dự án

- Bố trí nhà chờ ban điều hành công trường.
- Bố trí bãi tập kết vật liệu, bãi tập kết xe máy.
- Tập kết thiết bị, máy móc, nhân lực.
- Khảo sát, lập thiết kế thi công và trình duyệt tổ chức thi công chi tiết, trình đề chấp thuận vật liệu thi công chính và tập kết vật liệu.
- Các công tác khác: biển báo thông tin công trường,...
- Ngoài các công tác nêu trên nhà thầu sẽ tiến hành một số công tác khác nhằm phục vụ cho công tác thi công:
- Liên hệ với chính quyền địa phương nơi đơn vị thi công đóng quân trên địa bàn để đăng ký tạm trú tạm vắng quân số thi công và cam kết bảo đảm an ninh trật tự với chính quyền địa phương.

- Lắp dựng biển báo công trình, công trường, biển báo thi công.
- Lắp đặt điện thoại máy fax cho ban điều hành, văn phòng tư vấn, Chủ đầu tư, các Đội thi công...

b. Quy trình thi công

Quy trình thi công dự án bao gồm các công đoạn sau:

1.5.2. Biện pháp thi công chi tiết, phương án cơ bản xây dựng công trình**1.5.2.1. Phương án đền bù và giải phóng mặt bằng***** Khối lượng giải phóng mặt bằng**

- Khu đất thực hiện dự án chủ yếu là đất trồng lúa, còn lại là đất ở, đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hàng năm, đất nuôi trồng thủy sản, đất nghĩa trang, đất giao thông, thủy lợi.

- Tổng diện tích đất giải phóng mặt bằng để thực hiện dự án khoảng 30.906 m².

*** Hình thức bồi thường, hỗ trợ và tái định cư**

- Đối với các hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất nông nghiệp thì sẽ được bồi thường về đất, hoa màu, hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất, hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm ... theo đúng quy định hiện hành của tỉnh Bắc Kạn.

- Đối với các công trình khác như: di chuyển hoàn trả hệ thống hạ tầng kỹ thuật, di chuyển mồ mả ... cũng được tiến hành theo đúng quy định của huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn.

- Đối với các hộ nằm trong đối tượng bị thu hồi nhà sẽ được bố trí trong khu tái định cư của dự án theo quy hoạch được duyệt. Giá trị khu đất tái định cư sẽ được dựa trên suất vốn đầu tư hạ tầng và giá trị tiền sử dụng đất đối với lô đất theo quyết định của UBND tỉnh Bắc Kạn. Trong quá trình chờ tái định cư các hộ này còn được hỗ trợ về tạm cư, hỗ trợ di chuyển, hỗ trợ ổn định đời sống theo quy định của UBND tỉnh Bắc Kạn.

- Trường hợp diện tích định hướng tái định cư theo quy hoạch không đủ bố trí thì sẽ được bố trí vào khu vực ngoài dự án hoặc hỗ trợ bằng tiền.

**** Công tác tổ chức bồi thường, hỗ trợ và tái định cư***

- UBND huyện Chợ Đồn thành lập Hội đồng đền bù giải phóng mặt bằng, tổ chức thực hiện theo đúng trình tự, thủ tục thu hồi, đền bù giải phóng mặt bằng đối với phần diện tích đất giải phóng mặt bằng của toàn bộ dự án theo quy định hiện hành của Nhà nước và tỉnh Bắc Kạn để bàn giao mặt bằng sạch cho nhà đầu tư.

- Việc thu hồi, bồi thường, hỗ trợ GPMB chỉ được tiến hành khi có Thông báo thu hồi đất, Quyết định thu hồi đất và Phương án đền bù GPMB được phê duyệt.

- Sau khi Phương án đền bù GPMB được phê duyệt, Hội đồng đền bù GPMB công bố công khai và tiến hành thực hiện đền bù GPMB theo quy định.

**** Phương án tái định cư***

- Dự kiến số hộ bị ảnh hưởng di chuyển chỗ ở cần tái định cư tại khu vực dự án khoảng 10 hộ. (Số lượng hộ cần tái định cư cụ thể sẽ được xác định khi thực hiện công tác đền bù giải phóng mặt bằng).

- Phần diện tích tái định cư sẽ được bố trí vào khu vực ngoài dự án hoặc hỗ trợ bằng tiền.

**** Dự báo khả năng khiếu kiện và phương án xử lý***

Trong quá trình lập đồ án quy hoạch chi tiết, UBND huyện Chợ Đồn đã thực hiện lấy ý kiến cộng đồng dân cư trong khu vực dự án và đã được đa số nhân dân nhất trí, đồng thuận và ủng hộ triển khai dự án. Trên thực tế, các dự án đã và đang thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng trên địa bàn, việc xuất hiện những ý kiến trái chiều của một số hộ dân là không tránh khỏi. Tuy nhiên, UBND huyện Chợ Đồn tăng cường công tác tuyên truyền, vận động, giải thích cho người dân hiểu về chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư. Các vụ việc liên quan công tác bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng của người dân đều được giải quyết hiệu quả, đúng quy định pháp luật và nhận được sự ủng hộ của đa số nhân dân.

**** Chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư***

Chi phí bồi thường, hỗ trợ cho người sử dụng đất trên cơ sở các Quyết định số 31/2014/QĐ-UBND ngày 22/8/2014, Quyết định số 20/2016/QĐ-UBND ngày 06/7/2016, Quyết định số 23/2020/QĐ-UBND ngày 30/10/2019, Quyết định số 46/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 của UBND tỉnh Thái Nguyên, bao gồm:

- Bồi thường hoặc hỗ trợ đối với toàn bộ diện tích đất Nhà nước thu hồi.
- Bồi thường hoặc hỗ trợ về tài sản có gắn liền với đất và các chi phí đầu tư vào đất bị Nhà nước thu hồi.
- Hỗ trợ di chuyển, hỗ trợ ổn định sản xuất và đời sống, hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề và hỗ trợ khác cho người bị thu hồi đất.
- Thưởng bàn giao mặt bằng trước thời hạn.
- Tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư.

Tổng chi phí bồi thường, giải phóng mặt bằng khoảng: 62.879.655.522 đồng (Bằng chữ: Sáu mươi hai tỷ, tám trăm bảy mươi chín triệu, sáu trăm năm mươi lăm nghìn, năm trăm hai mươi hai đồng). Chi phí thực hiện bồi thường hỗ trợ giải phóng mặt bằng nêu trên chỉ là tạm tính. Chi phí thực tế thực hiện sẽ được tính toán chính xác khi hoàn thành công tác thống kê, đo đạc kiểm đếm và cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác định giá đất cụ thể làm cơ sở áp giá bồi thường, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định khi Nhà nước thu hồi đất. UBND huyện Chợ Đồn là đơn vị chủ trì thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng dự án.

Bảng khái toán chi phí bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng:

Bảng 1.6. Phương án đền bù giải phóng mặt bằng

Stt	Nội dung	Khối lượng	Đơn vị	Giá trị bồi thường		Các khoản hỗ trợ đối với đất nông nghiệp				Hỗ trợ di chuyển, thưởng bàn giao mặt bằng đối với đất ở		Tổng
						Hỗ trợ chuyển đổi nghề		Hỗ trợ ổn định đời sống				
				Đơn giá	Thành tiền	Đơn giá	Thành tiền	Tổng số hộ	Thành tiền	Tổng số hộ	Thành tiền	
I	Đất ở	1.471,2		560.000	823.872.000					5	25.000.000	848.872.000
II	Đất nông nghiệp				1.554.315.200		4.662.945.600	67	361.800.000			6.579.060.800
1	Đất lúa (LUC, LUK)	22.117,6	m2	67.000	1.481.879.200	201.000	4.445.637.600					
2	Đất trồng cây hàng năm (BHK)	1.114,4	m2	65.000	72.436.000	195.000	217.308.000					
3	Đất giao thông, thủy lợi	1.617,9										
4	Đất ở hiện trạng	4.585,0										
III	Bồi thường các tài sản nhà ở, vật kiến trúc, cây cối		tạm tính		3.000.000.000							3.000.000.000
		30.906,1										
1. Cộng chi phí bồi thường					5.378.187.200		4.662.945.600		361.800.000		25.000.000	10.427.932.800
2. Chi phí tổ chức thực hiện 2%												208.558.656
Tổng cộng												10.636.491.456

1.5.2.2. Biện pháp, khối lượng thi công giai đoạn chuẩn bị

*** San nền**

- Nền được san trong phạm vi từng lô đất tới chỉ giới đường đỏ, yêu cầu đảm bảo thoát nước mặt nhanh chóng.

- Hướng thoát nước từ giữa lô ra phía các trục đường, không ảnh hưởng đến việc tiêu thoát nước đối với các khu vực lân cận.

- Độ dốc thiết kế san nền tối thiểu 0,40% tùy từng vị trí.

- Cao độ thiết kế thấp nhất +350,0; cao nhất +361,0.

- Vật liệu san nền bằng đất hoặc vật liệu sẵn có tại địa phương, đầm nén đến độ chặt yêu cầu $K \geq 0,85$.

+ Khối lượng đào:

+ Khối lượng đắp:

* *Phương án tổ chức nhà điều hành:*

* *Phương án tổ chức công trường, kho bãi:*

1.5.2.3. Biện pháp, khối lượng thi công giai đoạn xây dựng

*** Biện pháp thi công giao thông**

- Triển khai cụ thể hoá Quy hoạch chi tiết xây dựng, tỷ lệ 1/500 đã được phê duyệt.

- Phối hợp quy hoạch xây dựng các công trình hạ tầng với nhau để tránh lãng phí trong xây dựng, chồng chéo trong quản lý.

- Hệ thống giao thông phải đảm bảo khả năng liên hệ nhanh chóng và an toàn giữa các khu chức năng trong khu quy hoạch với nhau và với các tuyến đường đã được xây dựng.

- Hệ thống các công trình phục vụ giao thông trong khu vực phải đáp ứng nhu cầu phát triển, đảm bảo thuận tiện cho các đối tượng tham gia giao thông.

- Mạng lưới đường được thiết kế theo tầng bậc. Các đường cấp thấp hơn chủ yếu chỉ đấu nối với các tuyến đường cao hơn một cấp. Trường hợp đường cấp thấp đấu nối ra đường cao hơn hai cấp trở lên sẽ tổ chức giao thông để chỉ được rẽ phải giao nhập vào dải giao thông địa phương. Vị trí các điểm đấu nối phải đảm bảo không gây ảnh hưởng nhiều đến dòng giao thông trên các tuyến đường cấp cao hơn nhưng cũng phải tạo điều kiện thuận lợi cho việc đi lại của nhân dân trong khu vực quy hoạch.

**** Biện pháp thi công hệ thống cấp nước***

- Mạng lưới đường ống cấp nước được thiết kế là mạng vòng khép kín kết hợp mạng nhánh.

- Đảm bảo các chỉ tiêu kinh tế, kỹ thuật quy định trong quy chuẩn, tiêu chuẩn.

- Đảm bảo lưu lượng và áp lực tại mọi điểm trên mạng lưới không nhỏ hơn 10m.

- Vạch tuyến mạng lưới đảm bảo nước cung cấp đến mọi đối tượng dùng nước và chiều dài tuyến ống là ngắn nhất.

- Mạng lưới đường ống được tính toán thiết kế đảm bảo trong 2 trường hợp bất lợi nhất:

+ Giờ dùng nước lớn nhất;

+ Giờ dùng nước lớn nhất + cứu hoả.

- Điểm đầu nối cấp nước cho dự án dự kiến được cấp tại đường ống cấp nước hiện có của Công ty cổ phần Cấp thoát nước Bắc Kạn chạy dọc vỉa hè đường đối diện tiếp giáp với ranh giới quy hoạch của dự án. Đường ống cấp nước hiện có sử dụng ống nhựa uPVC có đường kính DN125mm, áp lực trung bình tại vị trí đầu nối là 3kg/cm²; Lưu lượng cung cấp lớn nhất tại vị trí đầu nối có thể đạt khoảng $\geq 15\text{l/s}$ (Khi điều tiết các van trên hệ thống để tập trung lưu lượng cho khu vực dự án trong trường hợp có cháy xảy ra).

**** Biện pháp thi công hệ thống thoát nước***

Biện pháp thi công hệ thống thoát nước mưa

- Hệ thống thoát nước được thiết kế theo nguyên tắc tự chảy và phù hợp với hệ thống thoát nước của khu vực theo quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 đã được phê duyệt.

- Mạng lưới thoát nước phân tán theo từng lưu vực nhỏ phù hợp với hướng san nền để giảm đường kính và chiều sâu chôn cống.

- Hệ thống thoát nước sử dụng cống tròn bê tông cốt thép, độ dốc dọc cống tối thiểu lấy bằng $i=1/D$.

- Đảm bảo các chỉ tiêu kinh tế, kỹ thuật quy định trong quy chuẩn, tiêu chuẩn.

- Hệ thống thoát nước thiết kế cho khu vực dự án là hệ thống thoát nước riêng nước mưa và nước thải. Hệ thống thoát nước theo chế độ tự chảy.

- Nước mưa trong các lô đất, trên đường được thu về các cửa thu có song chắn rác, rồi tập chung chảy về các hố ga trên tuyến cống thoát nước mưa.

- Hệ thống giếng thu nước mưa được bố trí cách nhau 30-40m.
- Độ dốc cống thoát nước lấy theo độ dốc tối thiểu $i=1/D$.
- Hồ ga thu trực tiếp và hồ ga thăm sử dụng hồ ga bê tông cốt thép, thành và đáy hồ ga BTCT M250 đá 1x2 trên lớp bê tông lót M100. Nắp hồ ga là tấm đan composite.
- Đối với các tuyến mương hoàn trả: Tuyến mương B500 sử dụng mương xây gạch vữa xi măng M75 trát trong dày 20mm, đáy BTCT M250 đá 1x2 trên lớp bê tông lót M100. Tuyến mương B1000 sử dụng mương bê tông cốt thép, thành và đáy mương BTCT M250 đá 1x2 trên lớp bê tông lót M100. Nắp đan BTCT M250 đá 1x2.
- Đường kính cống thoát nước được thiết kế căn cứ vào lưu lượng nước mưa của dự án và các khu vực lân cận, cống được dùng là cống bê tông cốt thép ly tâm có đường kính từ D400-D600mm và cống hộp Bxh=1200x1200 có tải trọng tiêu chuẩn đối với cống đi trên vỉa hè và cống có tải trọng cao khi đặt dưới lòng đường.

Biện pháp thi công hệ thống thoát nước thải

- Thiết kế đầy đủ các tuyến cống thoát nước thải và các tuyến cống chờ cho mỗi công trình; đường ống, hồ ga dẫn tới điểm đầu nối thoát nước thải của dự án.
- Đảm bảo các chỉ tiêu kinh tế, kỹ thuật quy định trong quy chuẩn, tiêu chuẩn.
- Tận dụng tối đa hiện trạng, tuân thủ các dự án đã và đang triển khai trong khu vực.
- Tận dụng độ dốc địa hình đặt cống, nước thải có thể tự chảy ra điểm xả nhanh nhất, vận tốc không vượt quá giới hạn cho phép.
- Độ dốc đường ống thoát nước chọn trên cơ sở đảm bảo tốc độ nước chảy trong cống nhỏ nhất $V_{min}=0,4m/s$; vận tốc lớn nhất $V_{max}=4m/s$. Các tuyến cống được đặt theo độ dốc tối thiểu đối với cống tròn $i=1/D$. Các tuyến đầu không đảm bảo vận tốc tối thiểu theo quy định cần tăng cường nạo vét để tránh lắng cặn.
- Độ đầy tối đa $\leq 0,6D$ đối với đường kính ống $200 \leq D \leq 300mm$.
- Độ đầy tối đa $\leq 0,7D$ đối với đường kính ống $300 < D \leq 400mm$.
- Độ đầy tối đa $\leq 0,75D$ đối với đường kính ống $400 < D \leq 900mm$.
- Nước chảy trong cống theo nguyên tắc tự chảy.

Hệ thống thoát nước thải được thiết kế riêng hoàn toàn với hệ thống thoát nước mưa. Nước thải từ các hộ gia đình, công trình và dân cư hiện trạng trong khu vực dự án được xử lý sơ bộ qua bể tự hoại để giảm nồng độ ô nhiễm trước khi thoát vào các hồ ga xây dựng trên đất hạ tầng kỹ thuật hoặc vỉa hè trên các tuyến đường, sau đó đổ vào các

tuyến cống chính. Toàn bộ nước thải của dự án được thu gom và đầu nối tại vị trí DN4 vào kênh mương thoát nước tổ 11B, thị trấn bằng Lũng.

Hệ thống thoát nước thải trong dự án bao gồm tuyến cống thoát nước chính và hệ thống thoát nước dịch vụ:

- Tuyến cống thoát nước chính:

+ Mạng lưới đường ống thoát nước thải sinh hoạt bao gồm các hố thăm, các tuyến cống dẫn có nhiệm vụ thu gom và đưa nước thải đầu ra vị trí DN4.

+ Với khoảng cách trung bình từ 20-30m, tại các vị trí tuyến cống chuyển hướng, tại vị trí nối cống sẽ xây dựng các hố thăm. Các hố thăm này sẽ bố trí sẵn các lỗ chờ để đón nước thải từ các hộ xả vào.

+ Tuyến cống thoát nước thải được bố trí ở đất hành lang kỹ thuật hoặc trên vỉa hè trước cửa các dãy nhà.

+ Độ sâu điểm đầu của cống thoát nước cần đảm bảo 2 tiêu chí: Đáp ứng chiều sâu chôn cống tối thiểu theo tiêu chuẩn và đủ chiều sâu để kết nối cho ống thoát nước từ trong công trình.

- Tuyến cống thoát nước dịch vụ:

+ Thiết kế hệ thống ống uPVC DN110 đầu nối từ hố ga thoát nước thải từng công trình ra hố ga chung của hệ thống thoát nước thải. Dự kiến đầu nối 4 hộ cho 1 hố ga thăm.

Đối với các tuyến cống chính sử dụng cống HDPE DN300 gân xoắn 2 lớp: SN4 đối với tuyến cống nằm trên vỉa hè, thảm cỏ, hành lang kỹ thuật; SN8 đối với tuyến cống nằm dưới lòng đường.

Đối với tuyến cống dịch vụ sử dụng ống uPVC DN110 Class 2.

Lựa chọn nắp hố ga composit tải trọng KN125 hoặc tương đương đối với hố ga trên vỉa hè và tải trọng KN400 hoặc tương đương đối với hố ga dưới đường.

Tường hố ga xây gạch M75, trát trong vữa xi măng M75 dày 20mm. Cổ ga, giằng sử dụng BTCT M200 đá 1x2; Đáy hố ga sử dụng BT M200 đá 1x2 đặt trên lớp bê tông lót M100; Tầm đan composite.

1.6. Tiến độ, tổng mức đầu tư, tổ chức quản lý và thực hiện dự án

1.6.1. Tiến độ thực hiện dự án

- Từ quý III/2021 đến quý IV/2021: Thực hiện các thủ tục đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư. Sau khi lựa chọn được nhà đầu tư, thời gian triển khai đầu tư, xây dựng và hoàn thiện dự án trong 24 tháng kể từ thời điểm được bàn giao đất và cấp phép xây dựng.

1.6.2. Vốn đầu tư

- Tổng mức đầu tư của dự án đã được phê duyệt tại quyết định chủ trương đầu tư số 1127/QĐ-UBND ngày 02 tháng 7 năm 2021 của UBND tỉnh Bắc Kạn là 55.267.000.000 đồng, trong đó:

+ Sơ bộ chi phí thực hiện dự án(không bao gồm chi phí bồi thường, giải phóng mặt bằng): 47.568.000.000 đồng;

+ Sơ bộ chi phí bồi thường, giải phóng mặt bằng(bao gồm chi phí hỗ trợ, tái định cư): 7.568.000.000 đồng;

1.6.3. Tổ chức quản lý và thực hiện dự án

*** Giai đoạn xây dựng**

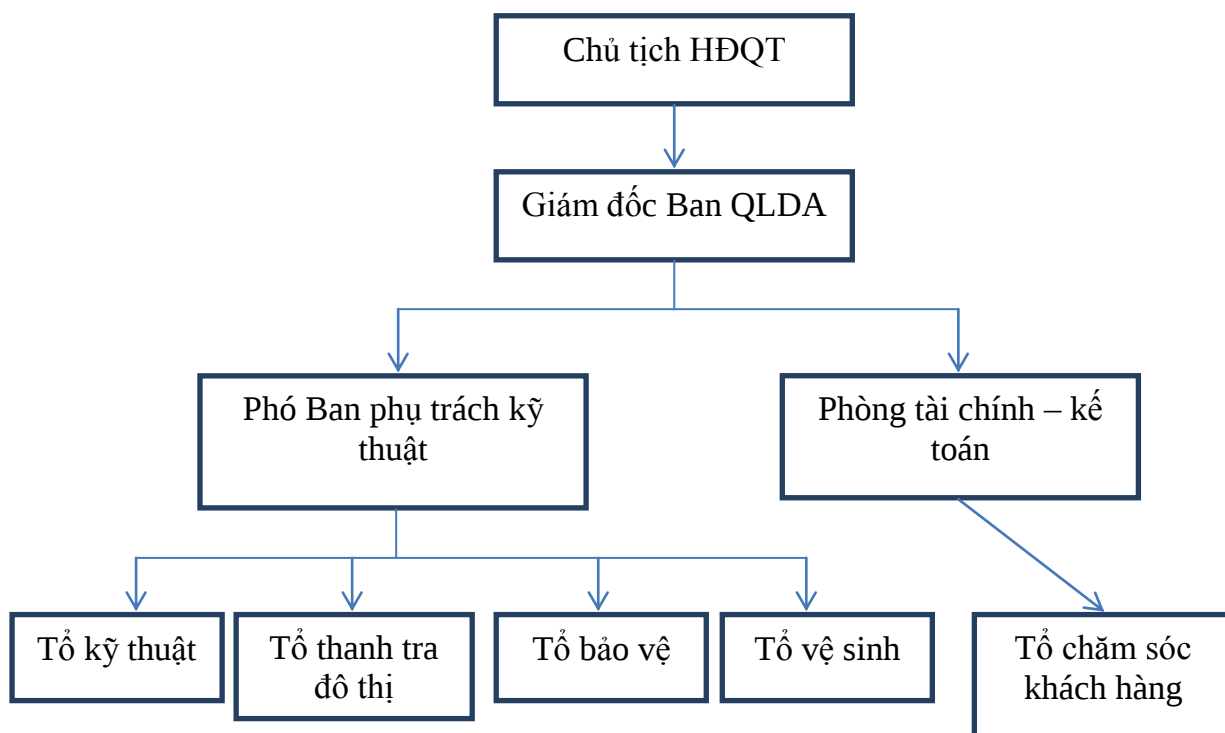
- Để phục vụ cho thi công ở giai đoạn này, Chủ đầu tư dự kiến sử dụng khoảng 50 người tham gia thi công các hạng mục hạ tầng kỹ thuật sẽ bố trí nơi ăn ở cho những người ở nhà xa.

*** Giai đoạn hoạt động**

Khi dự án hoàn thành việc xây dựng, Chủ dự án sẽ:

- Chuyển phần quản lý khu dân cư cho UBND thị trấn Bằng Lũng quản lý.
- Bàn giao phần hạ tầng hoàn thiện cho UBND thị trấn Bằng Lũng quản lý.
- Đối với hạng mục đất ở: Lâu dài.

*** Sơ đồ tổ chức quản lý Dự án**



Hình 1.3. Sơ đồ tổ chức quản lý dự án

KẾT LUẬN, KIẾN NGHỊ VÀ CAM KẾT

1. Kết luận:

Qua phân tích và đánh giá về điều kiện tự nhiên, hiện trạng môi trường, các tác động tiêu cực và tích cực của dự án đối với môi trường, kinh tế - xã hội cũng như các giải pháp khống chế và giảm thiểu ô nhiễm của dự án Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu dân cư đô thị tại Tổ 1 và Tổ 2A thị trấn Bằng Lũng, huyện Chợ Đồn (đợt 2) chúng tôi nhận thấy:

Báo cáo ĐTM đã nhận dạng và đánh giá được tất cả những tác động do hoạt động của dự án đến môi trường. Báo cáo cũng đã đề xuất các biện pháp giảm thiểu những tác động xấu tới môi trường; các biện pháp này mang tính khả thi cao, đảm bảo cho sự phát triển bền vững của dự án.

Qua điều tra, khảo sát; nhìn chung hiện trạng chất lượng môi trường tại khu vực thực hiện dự án còn khá sạch.

2. Kiến nghị

Với kết quả dự báo và đề xuất các biện pháp giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường như trên, Nhà đầu tư xin kiến nghị với các cấp, các ngành liên quan giúp giải quyết các vấn đề vượt khả năng giải quyết của Dự án:

- Kiến nghị UBND tỉnh Bắc Kạn, UBND huyện Chợ Đồn hỗ trợ Nhà đầu tư về công tác GPMB, bồi thường, hỗ trợ và tạo sự đồng thuận của dân cư, các tổ chức đối với Dự án.

- Đề nghị các cấp chính quyền liên quan quan tâm hỗ trợ Nhà đầu tư xử lý các trường bất khả kháng, khắc phục các rủi ro xảy ra ngoài khả năng kiểm soát cũng như vượt quá khả năng dự báo trong Báo cáo ĐTM nhất là ứng phó, giải quyết sự cố ...

3. Cam kết của nhà đầu tư đầu tư.

- Cam kết về độ chính xác, trung thực của các thông tin, số liệu, tài liệu cung cấp trong báo cáo đánh giá tác động môi trường.

- Cam kết có biện pháp, kế hoạch, nguồn lực để thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường của dự án; thực hiện đầy đủ các ý kiến đã tiếp thu trong quá trình tham vấn; chịu hoàn toàn trách nhiệm và bồi thường thiệt hại nếu để xảy ra sự cố môi trường trong quá trình xây dựng và vận hành dự án.

- Cam kết đảm bảo tính khả thi khi thực hiện trách nhiệm của nhà đầu tư đầu tư sau khi được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định của pháp luật.